

`Bộ Giáo Án Dạy Tiền Tiểu Học Môn Toán - 25 Buổi Học Hoàn Chỉnh

Thông Tin Chung

- Đối tượng: Trẻ em 5-6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1
- Thời gian: 25 buổi học, mỗi buổi 35-40 phút
- Phương pháp: Học qua trò chơi, thực hành, hoạt động nhóm
- Mục tiêu tổng quát: Giúp trẻ làm quen với toán học cơ bản, phát triển tư duy logic

BUỔI 1: LÀM QUEN VỚI SỐ 1, 2, 3

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ 5-6 tuổi
- **Số lượng:** 15-20 trẻ
- **Hình thức:** Học nhóm kết hợp cá nhân

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết được hình dạng của số 1, 2, 3
- Đọc đúng tên các số 1, 2, 3
- Viết được số 1, 2, 3 theo mẫu
- Đếm đúng số lượng từ 1 đến 3 đồ vật

Về kỹ năng:

- Quan sát và so sánh hình dạng số
- Phối hợp tay-mắt khi viết số
- Đếm đồ vật một cách có trật tự
- Liên hệ số với số lượng thực tế

Về thái độ:

- Hứng thú tham gia học toán
- Tự tin khi thực hiện bài tập
- Kiên nhẫn khi luyện viết

Chuẩn bị:

Đồ dùng cho giáo viên:

- 3 thẻ số 1, 2, 3 cỡ A4 màu đỏ
- 10 quả táo nhựa, 10 viên bi màu
- Bảng trắng và bút lông đen
- Hộp đựng đồ vật
- Máy chiếu (nếu có)

Đồ dùng cho trẻ:

- Mỗi trẻ 1 tờ giấy A4 có sẵn ô lưới
- Bút chì 2B và tẩy
- 5 viên kẹo màu để thực hành đếm
- Thẻ số nhỏ để tô màu

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Khởi động và tạo hứng thú (8 phút)

Bước 1: Chào hỏi (2 phút)

- Giáo viên: "Chào các con! Hôm nay cô sẽ dạy các con làm quen với những người bạn số đầu tiên!"
- Trẻ: "Chào cô ạ!"
- Giáo viên kiểm tra sĩ số và tâm trạng của trẻ

Bước 2: Hát bài "Một hai ba" (3 phút)

text

Một hai ba, một hai ba

Đi học toán thật là vui

Một hai ba, một hai ba

Cùng nhau học, cùng nhau chơi

- Giáo viên hát và làm động tác
- Trẻ theo hát và bắt chước động tác
- Vỗ tay theo nhịp: 1 cái vỗ, 2 cái vỗ, 3 cái vỗ

Bước 3: Trò chơi khởi động (3 phút)

- "Cô nói số, các con giơ ngón tay"
- Giáo viên nói "một", trẻ giơ 1 ngón tay
- Tương tự với "hai" và "ba"
- Khen ngợi những em thực hiện đúng

Hoạt động 2: Làm quen với số 1 (10 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 1 (3 phút)

- Giáo viên giơ cao thẻ số 1: "Đây là số 1"
- "Số 1 giống như cây gậy thẳng đứng"
- Trẻ quan sát và nhắc lại: "Số 1"
- Giáo viên viết số 1 lên bảng với động tác rõ ràng

Bước 2: Liên hệ với thực tế (4 phút)

- Giáo viên lấy 1 quả táo: "Đây là 1 quả táo"
- Cho từng trẻ lấy 1 viên kẹo: "Các con có mấy viên kẹo?"
- Trẻ trả lời: "1 viên kẹo"
- Tìm những vật có số lượng 1 trong lớp: 1 cái bảng, 1 cửa ra vào...

Bước 3: Luyện viết số 1 (3 phút)

- Giáo viên hướng dẫn: "Vẽ một đường thẳng từ trên xuống dưới"
- Trẻ luyện viết trên không khí trước
- Viết số 1 trên giấy, mỗi em viết 3 lần
- Giáo viên kiểm tra và chỉnh sửa cách cầm bút

Hoạt động 3: Làm quen với số 2 (10 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 2 (3 phút)

- Giáo viên giới thiệu số 2: "Đây là số 2"
- "Số 2 giống như con vịt bơi trên ao"
- Trẻ quan sát hình dạng số 2
- Giáo viên viết số 2 trên bảng từ từ

Bước 2: Thực hành với đồ vật (4 phút)

- Giáo viên đặt 2 quả táo: "Đây là 2 quả táo"
- Cho trẻ lấy thêm 1 viên kẹo: "Bây giờ các con có mấy viên kẹo?"
- Đếm cùng nhau: "1, 2"
- Tìm những cặp đồ vật: 2 mắt, 2 tai, 2 tay...

Bước 3: Luyện viết số 2 (3 phút)

- Hướng dẫn: "Vẽ nửa vòng tròn, rồi kẻ ngang ở dưới"
- Trẻ luyện trên không khí
- Viết số 2 trên giấy 3 lần
- Giáo viên hỗ trợ từng trẻ

Hoạt động 4: Làm quen với số 3 (10 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 3 (3 phút)

- Giáo viên giới thiệu số 3: "Đây là số 3"
- "Số 3 giống như hai cái móc câu nối nhau"
- Cho trẻ quan sát kỹ hình dạng
- Viết số 3 trên bảng chậm rãi

Bước 2: Đếm với số 3 (4 phút)

- Đặt 3 viên bi: "Cô có 3 viên bi"
- Trẻ lấy thêm 1 viên kẹo nữa: "Bây giờ có mấy viên?"
- Đếm cùng nhau: "1, 2, 3"
- Tìm nhóm 3 đồ vật: 3 bút, 3 quyển sách...

Bước 3: Luyện viết số 3 (3 phút)

- Hướng dẫn: "Vẽ nửa vòng tròn, nghỉ, rồi vẽ nửa vòng tròn nữa"
- Luyện trên không khí
- Viết số 3 trên giấy 3 lần
- Kiểm tra và sửa lỗi

Hoạt động 5: Củng cố và đánh giá (2 phút)

Trò chơi "Ai nhanh hơn":

- Giáo viên đưa ra đồ vật, trẻ giới thiệu số tương ứng
- 1 bút → giới thiệu số 1
- 2 quyển sách → giới thiệu số 2
- 3 viên kẹo → giới thiệu số 3

Đánh giá:

Tiêu chí đánh giá:

- **Nhận biết số:** Trẻ có nhận diện đúng số 1, 2, 3 không?
- **Viết số:** Viết có đúng hình dạng và thứ tự nét không?
- **Đếm:** Đếm có đúng số lượng đồ vật không?
- **Thái độ:** Có tích cực tham gia không?

Cách ghi nhận:

- ✓ Tốt: Làm đúng hoàn toàn
- ○ Khá: Làm đúng một phần
- ✗ Cần cải thiện: Chưa làm đúng

Bài tập về nhà:

- Tìm và đếm những vật có số lượng 1, 2, 3 ở nhà
- Luyện viết số 1, 2, 3 mỗi số 5 lần
- Kể cho bố mẹ nghe về bài học hôm nay

Lưu ý cho giáo viên:

- Quan sát tư thế cầm bút của trẻ
- Động viên những trẻ viết chậm
- Điều chỉnh tốc độ phù hợp với khả năng của lớp
- Chuẩn bị thêm đồ vật phòng trường hợp trẻ học nhanh

BUỔI 2: LÀM QUEN VỚI SỐ 4, 5

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ 5-6 tuổi (đã học số 1, 2, 3)
- **Mục tiêu:** Mở rộng hiểu biết về số, từ 1-5

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết và viết số 4, 5
- Đếm liên tục từ 1 đến 5
- Hiểu thứ tự các số từ 1-5
- So sánh số lượng cơ bản

Về kỹ năng:

- Viết số 4, 5 đúng tỷ lệ
- Đếm có trật tự và chính xác
- Quan sát và nhận biết nhanh
- Phối hợp các giác quan

Chuẩn bị:

Đồ dùng chung:

- Thẻ số 1, 2, 3, 4, 5 cỡ lớn
- 25 đồ chơi xếp hình nhỏ
- 20 viên kẹo dẻo màu sắc
- Bài hát "Năm ngón tay"

- Bảng từ và bút màu

Đồ dùng cá nhân:

- Giấy A4 có ô lưới cho mỗi trẻ
- Bút chì và tẩy
- 10 viên kẹo nhỏ để đếm
- Thẻ số từ 1-5 để tô màu

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập và khởi động (8 phút)

Bước 1: Chào hỏi và kiểm tra bài cũ (3 phút)

- "Chào các con! Hôm qua chúng ta đã học số nào rồi?"
- Trẻ: "Số 1, 2, 3 ạ!"
- Kiểm tra nhanh: "Ai viết được số 1?" "Số 2?" "Số 3?"
- Khen ngợi những trẻ nhớ bài

Bước 2: Trò chơi "Ai nhanh hơn" (3 phút)

- Giáo viên giơ ngón tay, trẻ nói số tương ứng
- Giơ 1 ngón → "Một!"
- Giơ 2 ngón → "Hai!"
- Giơ 3 ngón → "Ba!"
- Thêm động tác vỗ tay theo số

Bước 3: Đặt vấn đề (2 phút)

- "Hôm nay chúng ta sẽ làm quen với 2 người bạn số mới"

- "Các con có muốn biết họ là ai không?"
- Tạo sự tò mò và hứng thú

Hoạt động 2: Học số 4 (12 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 4 (4 phút)

- Giáo viên giơ cả 4 ngón tay (trừ ngón cái)
- "Đây là số 4. Số 4 giống như chiếc ghế không có tựa lưng"
- Cho trẻ quan sát hình dạng số 4 trên thẻ
- Viết số 4 trên bảng với hướng dẫn: "Vẽ xuống, ngang, rồi xuống nữa"

Bước 2: Thực hành với đồ vật (4 phút)

- Đặt 4 đồ chơi xếp hình trên bàn
- "Cô có mấy đồ chơi?" → Đếm cùng: "1, 2, 3, 4"
- Cho mỗi trẻ lấy 4 viên kẹo
- Đếm từng nhóm: "Bạn An có mấy viên kẹo?"
- Tìm nhóm 4 đồ vật trong lớp: 4 chân bàn, 4 bánh xe...

Bước 3: Luyện viết số 4 (4 phút)

- Hướng dẫn chi tiết cách viết số 4
- "Vẽ đường thẳng đứng, dừng lại giữa"
- "Vẽ đường ngang từ trái qua phải"
- "Vẽ tiếp đường đứng từ chỗ giao nhau xuống dưới"
- Trẻ luyện trên không khí 3 lần, rồi viết trên giấy

Hoạt động 3: Học số 5 (12 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 5 (4 phút)

- Giáo viên giơ cả bàn tay: "5 ngón tay!"
- "Số 5 rất đặc biệt, bằng một bàn tay"
- Quan sát hình dạng số 5
- Hát bài "Năm ngón tay":

text

Năm ngón tay này
Cùng chung một bàn tay
Ngón nào cũng khéo
Ngón nào cũng hay

Bước 2: Thực hành đếm 5 (4 phút)

- Đặt 5 viên kẹo dẻo màu khác nhau
- Đếm cùng nhau: "1 đỏ, 2 xanh, 3 vàng, 4 tím, 5 cam"
- Mỗi trẻ lấy thêm 1 viên kẹo: "Bây giờ có mấy viên?"
- Đếm tất cả ngón tay: "5 ngón tay trái, 5 ngón tay phải"

Bước 3: Luyện viết số 5 (4 phút)

- Hướng dẫn: "Vẽ ngang trên cùng, xuống thẳng, nửa vòng tròn"
- Phân tích từng nét một cách rõ ràng
- Luyện trên không khí
- Viết trên giấy, giáo viên kiểm tra từng em

Hoạt động 4: Luyện tập tổng hợp (6 phút)

Bước 1: Trò chơi "Tìm bạn số" (3 phút)

- Chuẩn bị 5 nhóm đồ vật với số lượng từ 1-5

- Trẻ nối thẻ số với nhóm đồ vật tương ứng
- Ví dụ: Thẻ số 4 nối với 4 quả táo
- Kiểm tra và giải thích kết quả

Bước 2: Đếm liên tục 1-5 (3 phút)

- Đếm theo nhóm: "1, 2, 3, 4, 5"
- Đếm ngược: "5, 4, 3, 2, 1"
- Trò chơi "Điền số thiếu": 1, 2, __, 4, 5
- Vỗ tay theo từng số

Hoạt động 5: Đánh giá và kết thúc (2 phút)

Kiểm tra nhanh:

- "Ai viết được số 4?" - Mời vài em lên bảng
- "Ai đếm được từ 1 đến 5?" - Cả lớp đếm chung
- "Trong lớp có những gì có số lượng 5?" - Trẻ quan sát và trả lời

Đánh giá:

Tiêu chí cụ thể:

- **Nhận biết:** Phân biệt được số 4, 5 với các số khác
- **Viết số:** Viết đúng tỷ lệ và thứ tự nét
- **Đếm:** Đếm liên tục 1-5 không sai sót
- **Liên hệ:** Đếm đúng số lượng đồ vật thực tế

Mức độ đánh giá:

- **Xuất sắc:** Làm đúng tất cả, tự tin thể hiện

- **Tốt:** Làm đúng phần lớn, có chút do dự
- **Khá:** Làm được một nửa, cần hỗ trợ
- **Cần cải thiện:** Gặp nhiều khó khăn

Bài tập về nhà:

1. **Thực hành viết:** Viết số 4 và số 5 mỗi số 10 lần
2. **Quan sát:** Tìm 3 nhóm đồ vật ở nhà có số lượng 4 và 5
3. **Đếm:** Luyện đếm từ 1-5 với bố mẹ mỗi ngày
4. **Chơi:** Chơi trò đếm ngón tay với anh chị em

Lưu ý cho giáo viên:

- **Tốc độ:** Điều chỉnh theo khả năng tiếp thu của lớp
- **Cá nhân hóa:** Chú ý những trẻ học chậm, hỗ trợ thêm
- **An toàn:** Kiểm tra kẹo và đồ chơi an toàn cho trẻ
- **Tương tác:** Khuyến khích trẻ đặt câu hỏi và tham gia tích cực
- **Ghi chép:** Ghi nhận tiến bộ của từng trẻ để báo cáo phụ huynh

BUỔI 3: SỐ 6, 7, 8, 9

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 45 phút (tăng 5 phút do nội dung nhiều hơn)
- **Đối tượng:** Trẻ đã nắm vững số 1-5
- **Mục tiêu:** Mở rộng dải số đến 9

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết và viết số 6, 7, 8, 9
- Đếm liên tục từ 1 đến 9
- Sắp xếp số theo thứ tự tăng dần
- Hiểu vị trí của số trong dãy số

Về kỹ năng:

- Viết số đúng kỹ thuật và tỷ lệ
- Đếm nhanh và chính xác
- So sánh số lượng
- Ghi nhớ trình tự số

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Bộ thẻ số từ 1-9 cỡ A3
- 50 viên kẹo màu sắc khác nhau
- Tia số từ 1-9 dán trên bảng
- Đồng hồ cát 2 phút
- Hộp đựng đồ vật nhỏ

Đồ dùng học sinh:

- Giấy ô vuông cho luyện viết
- Bút chì 2B và tẩy
- 15 hạt đậu khô để đếm
- Thẻ số nhỏ từ 1-9

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập và khởi động (8 phút)

Bước 1: Ôn tập số 1-5 (4 phút)

- "Chào các con! Ai nhớ chúng ta đã học những số nào rồi?"
- Trẻ: "1, 2, 3, 4, 5 ạ!"
- "Ai đếm được từ 1 đến 5?" - Cả lớp đếm chung
- "Ai đếm ngược từ 5 về 1?" - Từng nhóm thực hiện
- Kiểm tra nhanh kỹ năng viết số bằng cách cho vài em lên bảng

Bước 2: Trò chơi "Số nào mất rồi?" (4 phút)

- Dán thẻ số 1, 2, 3, 4, 5 lên bảng
- Cho trẻ nhắm mắt, giáo viên lấy đi 1 thẻ
- "Mở mắt ra! Số nào mất rồi?"
- Lặp lại 3-4 lần với số khác nhau
- Khen thưởng nhóm trả lời nhanh và đúng

Hoạt động 2: Học số 6 và 7 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 6 (7 phút)

- Giáo viên đếm ngón tay: "1, 2, 3, 4, 5... và thêm 1 nữa là 6!"
- "Số 6 giống như quả lê to tròn có cuống"

- Quan sát thẻ số 6, để ý hình dạng đặc biệt
- Đặt 6 viên kẹo trên bàn: "Đây là 6 viên kẹo"
- Cho từng nhóm 4 trẻ đếm 6 đồ vật khác nhau

Hướng dẫn viết số 6:

- "Bắt đầu từ trên, vẽ cung tròn xuống"
- "Rồi vẽ vòng tròn nhỏ ở dưới"
- Trẻ luyện trên không khí 5 lần
- Viết trên giấy, giáo viên kiểm tra từng em

Bước 2: Giới thiệu số 7 (8 phút)

- "Tiếp theo là số 7. Số 7 giống như cây cờ bay phấp phới"
- Đếm: "6... 7!" với 7 viên kẹo
- Tìm những nhóm 7 đồ vật: "Tuần có 7 ngày"
- Chơi trò "Ai tìm được 7?" - tìm 7 đồ vật giống nhau

Hướng dẫn viết số 7:

- "Vẽ ngang trên cùng, rồi xiên xuống"
- "Giống như mái nhà và cột trụ"
- Luyện trên không khí
- Viết trên giấy 5 lần

Hoạt động 3: Học số 8 và 9 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 8 (7 phút)

- "Số 8 rất đặc biệt, giống như người tuyết béo tròn"
- Đếm 8 hạt đậu: "1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8"
- "Số 8 có 2 vòng tròn chồng lên nhau"

- Trò chơi: Chia 8 viên kẹo cho 2 em, mỗi em có mấy viên?

Hướng dẫn viết số 8:

- "Vẽ vòng tròn nhỏ trên, vòng tròn to dưới"
- "Hoặc vẽ chữ S rồi nối hai đầu"
- Số 8 khó viết nhất, cần luyện nhiều lần
- Hỗ trợ cá nhân những trẻ gặp khó khăn

Bước 2: Giới thiệu số 9 (8 phút)

- "Cuối cùng là số 9. Số 9 giống như quả bóng có đuôi"
- Đếm 9 đồ vật: "Số 9 là số lớn nhất chúng ta học hôm nay"
- "Sau số 9 sẽ là số 10, nhưng hôm nay ta học đến 9 thôi"

Hướng dẫn viết số 9:

- "Vẽ vòng tròn nhỏ trên, rồi vẽ đường thẳng xuống"
- "Giống như quả bóng bay có dây"
- Luyện viết kỹ càng

Hoạt động 4: Luyện tập tổng hợp (5 phút)

Bước 1: Trò chơi "Đua đếm" (3 phút)

- Chia lớp thành 3 nhóm
- Mỗi nhóm đếm từ 1-9 theo lượt
- Nhóm nào đếm nhanh và đúng nhất thắng
- Đếm ngược từ 9-1

Bước 2: Sắp xếp số (2 phút)

- Cho trẻ sắp xếp thẻ số từ 1-9 theo thứ tự
- Trò "Số nào đứng trước/sau số 7?"
- "Giữa số 5 và 7 là số nào?"

Hoạt động 5: Đánh giá (2 phút)

- Kiểm tra nhanh: Mỗi em viết 1 số từ 6-9
- Đếm từ 1-9 không nhìn thẻ số

- Khen ngợi và khuyến khích

Đánh giá:

Kiểm tra cụ thể:

- Nhận biết: Chỉ đúng số khi giáo viên đọc tên
- Viết: Viết số theo đúng hướng và tỷ lệ
- Đếm: Đếm liên tục 1-9 không sai sót
- Thứ tự: Biết số nào đứng trước/sau

Ghi chép theo dõi:

- Số em đã nắm vững hoàn toàn: /
 - Số em cần hỗ trợ thêm: /
 - Những khó khăn chung: _____
-

BUỔI 4: SỐ 0 VÀ SỐ 10

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 40 phút
- Đối tượng: Trẻ đã biết số 1-9
- Điểm mới: Giới thiệu khái niệm "không có gì" và "một chục"

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu số 0 nghĩa là "không có gì"
- Nhận biết số 10 là sự kết hợp của 1 và 0
- Đếm từ 0 đến 10 hoàn chỉnh
- Hiểu 10 ngón tay = 1 chục

Về kỹ năng:

- Viết số 0 và 10 đúng cách
- Ứng dụng khái niệm 0 trong thực tế
- Đếm và nhóm đối tượng theo 10

Chuẩn bị:

Đồ dùng đặc biệt:

- Hộp trống và hộp có đồ vật
- Thẻ số 0 và 10 cỡ lớn
- 20 que tính màu xanh
- Bảng dính để nhóm que tính
- Tranh minh họa "10 ngón tay"

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Khởi động và dẫn dắt (7 phút)

Bước 1: Ôn tập số 1-9 (4 phút)

- Đếm tập thẻ từ 1-9
- "Sau số 9 là số gì nhỉ?"
- Tạo tình huống tò mò: "Trước số 1 có số nào không?"

Bước 2: Tạo tình huống vấn đề (3 phút)

- Đưa ra 2 hộp: 1 hộp có 5 viên bi, 1 hộp trống
- "Hộp này có 5 viên bi. Hộp kia có mấy viên bi?"
- Trẻ có thể trả lời: "Không có", "Không có gì"
- "Vậy làm sao viết số cho 'không có gì'?"

Hoạt động 2: Học số 0 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu khái niệm số 0 (8 phút)

- "Khi không có gì cả, chúng ta viết số 0"
- "Số 0 giống như quả trứng tròn vo"
- Các ví dụ thực tế:
 - Hộp kẹo hết sạch = 0 viên kẹo
 - Túi không có bút = 0 cây bút
 - Lớp không có ai vắng = 0 em vắng

Bước 2: Luyện viết số 0 (4 phút)

- Hướng dẫn: "Vẽ vòng tròn đều, khép kín"

- "Bắt đầu từ trên, vẽ xuống rồi quay lên"
- Luyện trên không khí
- Viết trên giấy 10 lần

Bước 3: Trò chơi "Có hay không có" (3 phút)

- Giáo viên đưa ra các tình huống
- Trẻ giơ thẻ số tương ứng
- "Cô có mấy cái mũ?" (0 - không đội mũ)
- "Trong ly có mấy viên kẹo?" (cho xem ly trống)

Hoạt động 3: Học số 10 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 10 qua 10 ngón tay (6 phút)

- "Giơ cả 2 bàn tay lên! Đếm tất cả ngón tay"
- Đếm cùng nhau: "1, 2, 3... 8, 9, 10"
- "10 ngón tay = 1 chục ngón tay"
- "Số 10 viết bằng số 1 và số 0"

Bước 2: Minh họa số 10 bằng que tính (5 phút)

- Lấy 10 que tính, đếm từng cái một
- Dùng băng dính buộc thành 1 bó
- "10 que riêng lẻ = 1 bó que = 1 chục que"
- Cho trẻ thực hành nhóm 10 đồ vật khác

Bước 3: Luyện viết số 10 (4 phút)

- "Số 10 gồm 2 chữ số: 1 và 0"
- "Viết số 1 trước, số 0 sau"
- "Chú ý: 2 số phải cùng kích thước"
- Luyện viết, chú ý khoảng cách giữa 1 và 0

Hoạt động 4: Luyện tập 0-10 (3 phút)

Trò chơi "Đếm hoàn chỉnh":

- Đếm từ 0-10: "0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10"

- Đếm ngược từ 10-0
- "Điền số thiếu": 0, 1, _, 3, _, 5, _, 7, _, 9, _

Đánh giá:

- Hiểu đúng ý nghĩa số 0
 - Viết đúng số 10 (2 chữ số)
 - Đếm thành thạo từ 0-10
-

BUỔI 5: SO SÁNH SỐ LƯỢNG - NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 40 phút
- Mục tiêu: Phát triển tư duy so sánh và ngôn ngữ toán học

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu khái niệm "nhiều hơn", "ít hơn", "bằng nhau"
- So sánh 2 nhóm đồ vật cụ thể
- Sử dụng đúng ngôn ngữ toán học
- Nhận biết dấu $>$, $<$, $=$ (giới thiệu cơ bản)

Chuẩn bị:

- 2 rổ táo và cam (số lượng khác nhau)
- Thẻ ký hiệu $>$, $<$, $=$ cỡ lớn
- Worksheet so sánh cho mỗi trẻ
- Đồ vật đa dạng để thực hành

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Dẫn dắt vào bài (8 phút)

Tạo tình huống thực tế:

- Đặt 3 quả táo và 5 quả cam trên bàn
- "Các con quan sát 2 nhóm quả này"

- "Nhóm nào có nhiều quả hơn?"
- Đề trẻ tự quan sát và nhận xét

Hoạt động 2: Học khái niệm "nhiều hơn", "ít hơn" (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu "nhiều hơn" (5 phút)

- Đếm táo: "1, 2, 3" - Đếm cam: "1, 2, 3, 4, 5"
- "5 nhiều hơn 3. Cam nhiều hơn táo"
- Thực hành với các ví dụ khác
- Trẻ tự tạo ví dụ "nhiều hơn"

Bước 2: Giới thiệu "ít hơn" (5 phút)

- "Ngược lại, 3 ít hơn 5. Táo ít hơn cam"
- "Ít hơn nghĩa là không bằng và nhỏ hơn"
- Cho trẻ so sánh các cặp số khác nhau

Bước 3: Giới thiệu "bằng nhau" (5 phút)

- Đặt 4 quả táo và 4 quả cam
- "Bây giờ táo và cam như thế nào?"
- "Bằng nhau, có cùng số lượng"

Hoạt động 3: Thực hành so sánh (12 phút)

Bước 1: So sánh với đồ vật cụ thể (6 phút)

- Chia lớp thành nhóm 4-5 trẻ
- Mỗi nhóm được 2 loại đồ vật khác số lượng
- Trẻ tự so sánh và báo cáo kết quả
- Giáo viên kiểm tra từng nhóm

Bước 2: Trò chơi "Đoán xem" (6 phút)

- Giáo viên chuẩn bị 2 nhóm đồ vật che kín
- Trẻ đoán nhóm nào nhiều hơn
- Mở ra kiểm tra
- Giải thích tại sao đoán đúng/sai

Hoạt động 4: Giới thiệu dấu $>$, $<$, $=$ (5 phút)

Giới thiệu cơ bản:

- "Trong toán học, ta dùng dấu đặc biệt"
- "> nghĩa là nhiều hơn (miệng cá sấu há to)"
- "< nghĩa là ít hơn (miệng cá sấu há nhỏ)"
- "= nghĩa là bằng nhau"
- Trẻ tập nhớ qua hình ảnh miệng cá sấu

Đánh giá:

- So sánh đúng 2 nhóm đồ vật
- Sử dụng đúng từ ngữ "nhiều hơn", "ít hơn", "bằng nhau"
- Nhận biết cơ bản các dấu $>$, $<$, $=$

BUỔI 3: SỐ 6, 7, 8, 9

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 45 phút (tăng 5 phút do nội dung nhiều hơn)
- Đối tượng: Trẻ đã nắm vững số 1-5
- Mục tiêu: Mở rộng dải số đến 9

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết và viết số 6, 7, 8, 9
- Đếm liên tục từ 1 đến 9
- Sắp xếp số theo thứ tự tăng dần
- Hiểu vị trí của số trong dãy số

Về kỹ năng:

- Viết số đúng kỹ thuật và tỷ lệ
- Đếm nhanh và chính xác
- So sánh số lượng
- Ghi nhớ trình tự số

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Bộ thẻ số từ 1-9 cỡ A3
- 50 viên kẹo màu sắc khác nhau
- Tia số từ 1-9 dán trên bảng
- Đồng hồ cát 2 phút
- Hộp đựng đồ vật nhỏ

Đồ dùng học sinh:

- Giấy ô vuông cho luyện viết
- Bút chì 2B và tẩy
- 15 hạt đậu khô để đếm
- Thẻ số nhỏ từ 1-9

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập và khởi động (8 phút)

Bước 1: Ôn tập số 1-5 (4 phút)

- "Chào các con! Ai nhớ chúng ta đã học những số nào rồi?"
- Trẻ: "1, 2, 3, 4, 5 ạ!"
- "Ai đếm được từ 1 đến 5?" - Cả lớp đếm chung
- "Ai đếm ngược từ 5 về 1?" - Từng nhóm thực hiện
- Kiểm tra nhanh kỹ năng viết số bằng cách cho vài em lên bảng

Bước 2: Trò chơi "Số nào mất rồi?" (4 phút)

- Dán thẻ số 1, 2, 3, 4, 5 lên bảng
- Cho trẻ nhắm mắt, giáo viên lấy đi 1 thẻ
- "Mở mắt ra! Số nào mất rồi?"
- Lặp lại 3-4 lần với số khác nhau
- Khen thưởng nhóm trả lời nhanh và đúng

Hoạt động 2: Học số 6 và 7 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 6 (7 phút)

- Giáo viên đếm ngón tay: "1, 2, 3, 4, 5... và thêm 1 nữa là 6!"
- "Số 6 giống như quả lê to tròn có cuống"
- Quan sát thẻ số 6, để ý hình dạng đặc biệt
- Đặt 6 viên kẹo trên bàn: "Đây là 6 viên kẹo"
- Cho từng nhóm 4 trẻ đếm 6 đồ vật khác nhau

Hướng dẫn viết số 6:

- "Bắt đầu từ trên, vẽ cung tròn xuống"
- "Rồi vẽ vòng tròn nhỏ ở dưới"
- Trẻ luyện trên không khí 5 lần
- Viết trên giấy, giáo viên kiểm tra từng em

Bước 2: Giới thiệu số 7 (8 phút)

- "Tiếp theo là số 7. Số 7 giống như cây cờ bay phấp phới"

- Đếm: "6... 7!" với 7 viên kẹo
- Tìm những nhóm 7 đồ vật: "Tuần có 7 ngày"
- Chơi trò "Ai tìm được 7?" - tìm 7 đồ vật giống nhau

Hướng dẫn viết số 7:

- "Vẽ ngang trên cùng, rồi xiên xuống"
- "Giống như mái nhà và cột trụ"
- Luyện trên không khí
- Viết trên giấy 5 lần

Hoạt động 3: Học số 8 và 9 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 8 (7 phút)

- "Số 8 rất đặc biệt, giống như người tuyết béo tròn"
- Đếm 8 hạt đậu: "1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8"
- "Số 8 có 2 vòng tròn chồng lên nhau"
- Trò chơi: Chia 8 viên kẹo cho 2 em, mỗi em có mấy viên?

Hướng dẫn viết số 8:

- "Vẽ vòng tròn nhỏ trên, vòng tròn to dưới"
- "Hoặc vẽ chữ S rồi nối hai đầu"
- Số 8 khó viết nhất, cần luyện nhiều lần
- Hỗ trợ cá nhân những trẻ gặp khó khăn

Bước 2: Giới thiệu số 9 (8 phút)

- "Cuối cùng là số 9. Số 9 giống như quả bóng có đuôi"
- Đếm 9 đồ vật: "Số 9 là số lớn nhất chúng ta học hôm nay"
- "Sau số 9 sẽ là số 10, nhưng hôm nay ta học đến 9 thôi"

Hướng dẫn viết số 9:

- "Vẽ vòng tròn nhỏ trên, rồi vẽ đường thẳng xuống"
- "Giống như quả bóng bay có dây"
- Luyện viết kỹ càng

Hoạt động 4: Luyện tập tổng hợp (5 phút)

Bước 1: Trò chơi "Đua đếm" (3 phút)

- Chia lớp thành 3 nhóm
- Mỗi nhóm đếm từ 1-9 theo lượt
- Nhóm nào đếm nhanh và đúng nhất thắng
- Đếm ngược từ 9-1

Bước 2: Sắp xếp số (2 phút)

- Cho trẻ sắp xếp thẻ số từ 1-9 theo thứ tự
- Trò "Số nào đứng trước/sau số 7?"
- "Giữa số 5 và 7 là số nào?"

Hoạt động 5: Đánh giá (2 phút)

- Kiểm tra nhanh: Mỗi em viết 1 số từ 6-9
- Đếm từ 1-9 không nhìn thẻ số
- Khen ngợi và khuyến khích

Đánh giá:

Kiểm tra cụ thể:

- Nhận biết: Chỉ đúng số khi giáo viên đọc tên
- Viết: Viết số theo đúng hướng và tỷ lệ
- Đếm: Đếm liên tục 1-9 không sai sót
- Thứ tự: Biết số nào đứng trước/sau

Ghi chép theo dõi:

- Số em đã nắm vững hoàn toàn: /
- Số em cần hỗ trợ thêm: /
- Những khó khăn chung: _____

BUỔI 4: SỐ 0 VÀ SỐ 10

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 40 phút
- Đối tượng: Trẻ đã biết số 1-9

- Điểm mới: Giới thiệu khái niệm "không có gì" và "một chục"

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu số 0 nghĩa là "không có gì"
- Nhận biết số 10 là sự kết hợp của 1 và 0
- Đếm từ 0 đến 10 hoàn chỉnh
- Hiểu 10 ngón tay = 1 chục

Về kỹ năng:

- Viết số 0 và 10 đúng cách
- Ứng dụng khái niệm 0 trong thực tế
- Đếm và nhóm đối tượng theo 10

Chuẩn bị:

Đồ dùng đặc biệt:

- Hộp trống và hộp có đồ vật
- Thẻ số 0 và 10 cỡ lớn
- 20 que tính màu xanh
- Băng dính để nhóm que tính
- Tranh minh họa "10 ngón tay"

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Khởi động và dẫn dắt (7 phút)

Bước 1: Ôn tập số 1-9 (4 phút)

- Đếm tập thể từ 1-9
- "Sau số 9 là số gì nhỉ?"
- Tạo tình huống tò mò: "Trước số 1 có số nào không?"

Bước 2: Tạo tình huống vấn đề (3 phút)

- Đưa ra 2 hộp: 1 hộp có 5 viên bi, 1 hộp trống
- "Hộp này có 5 viên bi. Hộp kia có mấy viên bi?"
- Trẻ có thể trả lời: "Không có", "Không có gì"

- "Vậy làm sao viết số cho 'không có gì'?"

Hoạt động 2: Học số 0 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu khái niệm số 0 (8 phút)

- "Khi không có gì cả, chúng ta viết số 0"
- "Số 0 giống như quả trứng tròn vo"
- Các ví dụ thực tế:
 - Hộp kẹo hết sạch = 0 viên kẹo
 - Túi không có bút = 0 cây bút
 - Lớp không có ai vắng = 0 em vắng

Bước 2: Luyện viết số 0 (4 phút)

- Hướng dẫn: "Vẽ vòng tròn đều, khép kín"
- "Bắt đầu từ trên, vẽ xuống rồi quay lên"
- Luyện trên không khí
- Viết trên giấy 10 lần

Bước 3: Trò chơi "Có hay không có" (3 phút)

- Giáo viên đưa ra các tình huống
- Trẻ giơ thẻ số tương ứng
- "Cô có mấy cái mũ?" (0 - không đội mũ)
- "Trong ly có mấy viên kẹo?" (cho xem ly trống)

Hoạt động 3: Học số 10 (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu số 10 qua 10 ngón tay (6 phút)

- "Giơ cả 2 bàn tay lên! Đếm tất cả ngón tay"
- Đếm cùng nhau: "1, 2, 3... 8, 9, 10"
- "10 ngón tay = 1 chục ngón tay"
- "Số 10 viết bằng số 1 và số 0"

Bước 2: Minh họa số 10 bằng que tính (5 phút)

- Lấy 10 que tính, đếm từng cái một

- Dùng băng dính buộc thành 1 bó
- "10 que riêng lẻ = 1 bó que = 1 chục que"
- Cho trẻ thực hành nhóm 10 đồ vật khác

Bước 3: Luyện viết số 10 (4 phút)

- "Số 10 gồm 2 chữ số: 1 và 0"
- "Viết số 1 trước, số 0 sau"
- "Chú ý: 2 số phải cùng kích thước"
- Luyện viết, chú ý khoảng cách giữa 1 và 0

Hoạt động 4: Luyện tập 0-10 (3 phút)

Trò chơi "Đếm hoàn chỉnh":

- Đếm từ 0-10: "0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10"
- Đếm ngược từ 10-0
- "Điền số thiếu": 0, 1, _, 3, _, 5, _, 7, _, 9, _

Đánh giá:

- Hiểu đúng ý nghĩa số 0
- Viết đúng số 10 (2 chữ số)
- Đếm thành thạo từ 0-10

BUỔI 5: SO SÁNH SỐ LƯỢNG - NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 40 phút
- Mục tiêu: Phát triển tư duy so sánh và ngôn ngữ toán học

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu khái niệm "nhiều hơn", "ít hơn", "bằng nhau"
- So sánh 2 nhóm đồ vật cụ thể
- Sử dụng đúng ngôn ngữ toán học
- Nhận biết dấu $>$, $<$, $=$ (giới thiệu cơ bản)

Chuẩn bị:

- 2 rổ táo và cam (số lượng khác nhau)
- Thẻ ký hiệu $>$, $<$, $=$ cỡ lớn
- Worksheet so sánh cho mỗi trẻ
- Đồ vật đa dạng để thực hành

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Dẫn dắt vào bài (8 phút)

Tạo tình huống thực tế:

- Đặt 3 quả táo và 5 quả cam trên bàn
- "Các con quan sát 2 nhóm quả này"
- "Nhóm nào có nhiều quả hơn?"
- Để trẻ tự quan sát và nhận xét

Hoạt động 2: Học khái niệm "nhiều hơn", "ít hơn" (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu "nhiều hơn" (5 phút)

- Đếm táo: "1, 2, 3" - Đếm cam: "1, 2, 3, 4, 5"
- "5 nhiều hơn 3. Cam nhiều hơn táo"
- Thực hành với các ví dụ khác
- Trẻ tự tạo ví dụ "nhiều hơn"

Bước 2: Giới thiệu "ít hơn" (5 phút)

- "Ngược lại, 3 ít hơn 5. Táo ít hơn cam"
- "Ít hơn nghĩa là không bằng và nhỏ hơn"
- Cho trẻ so sánh các cặp số khác nhau

Bước 3: Giới thiệu "bằng nhau" (5 phút)

- Đặt 4 quả táo và 4 quả cam
- "Bây giờ táo và cam như thế nào?"
- "Bằng nhau, có cùng số lượng"

Hoạt động 3: Thực hành so sánh (12 phút)

Bước 1: So sánh với đồ vật cụ thể (6 phút)

- Chia lớp thành nhóm 4-5 trẻ

- Mỗi nhóm được 2 loại đồ vật khác số lượng
- Trẻ tự so sánh và báo cáo kết quả
- Giáo viên kiểm tra từng nhóm

Bước 2: Trò chơi "Đoán xem" (6 phút)

- Giáo viên chuẩn bị 2 nhóm đồ vật che kín
- Trẻ đoán nhóm nào nhiều hơn
- Mở ra kiểm tra
- Giải thích tại sao đoán đúng/sai

Hoạt động 4: Giới thiệu dấu $>$, $<$, $=$ (5 phút)

Giới thiệu cơ bản:

- "Trong toán học, ta dùng dấu đặc biệt"
- " $>$ nghĩa là nhiều hơn (miệng cá sấu há to)"
- " $<$ nghĩa là ít hơn (miệng cá sấu há nhỏ)"
- " $=$ nghĩa là bằng nhau"
- Trẻ tập nhớ qua hình ảnh miệng cá sấu

Đánh giá:

- So sánh đúng 2 nhóm đồ vật
- Sử dụng đúng từ ngữ "nhiều hơn", "ít hơn", "bằng nhau"
- Nhận biết cơ bản các dấu $>$, $<$, $=$

BUỔI 6: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 5

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 40 phút
- Đối tượng: Trẻ đã biết đếm và viết số 0-5
- Mục tiêu: Hiểu khái niệm phép cộng = "gộp lại" = "thêm vào"

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu phép cộng có nghĩa là "gộp lại", "thêm vào"
- Thực hiện phép cộng có tổng ≤ 5
- Viết được phép tính cộng dạng $a + b = c$
- Nhận biết dấu + và dấu =

Về kỹ năng:

- Đếm để tìm kết quả phép cộng
- Sử dụng đồ vật cụ thể để tính toán
- Viết phép tính đúng thứ tự
- Liên hệ phép cộng với thực tế

Về thái độ:

- Hứng thú với phép tính mới
- Tự tin khi giải bài toán
- Kiên nhẫn khi thực hành

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 20 viên bi màu đỏ và xanh
- Thẻ dấu + và = cỡ lớn
- 2 hộp nhựa trong suốt
- Bảng nhỏ để viết phép tính
- 15 quả táo nhựa

Đồ dùng học sinh:

- 10 viên kẹo nhỏ mỗi em (2 màu khác nhau)
- Giấy A4 và bút chì
- 2 cái ly nhựa nhỏ
- Thẻ số 0-5 để thực hành

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Dẫn dắt vào khái niệm phép cộng (10 phút)

Bước 1: Tạo tình huống thực tế (5 phút)

- Giáo viên đặt 2 viên bi đỏ vào hộp thứ nhất
- "Cô có 2 viên bi đỏ trong hộp này"
- Đặt 1 viên bi xanh vào hộp thứ hai
- "Cô có 1 viên bi xanh trong hộp này"
- "Nếu cô gộp cả 2 hộp lại, sẽ có bao nhiêu viên bi?"

Bước 2: Thực hiện "gộp lại" (5 phút)

- Đổ 2 viên bi đỏ và 1 viên bi xanh vào cùng 1 hộp lớn
- Cùng đếm: "1, 2, 3 viên bi"
- "Gộp 2 viên bi đỏ và 1 viên bi xanh = 3 viên bi"
- "Đây chính là phép cộng!"
- Nhấn mạnh: "Cộng nghĩa là gộp lại"

Hoạt động 2: Giới thiệu dấu + và = (8 phút)

Bước 1: Giới thiệu dấu + (4 phút)

- Giáo viên giơ cao thẻ dấu +: "Đây là dấu cộng"
- "Dấu + nghĩa là 'và', 'cộng với', 'gộp với'"
- "2 viên bi đỏ + 1 viên bi xanh"
- Trẻ nhắc lại: "Dấu cộng", làm động tác tay tạo dấu +

Bước 2: Giới thiệu dấu = (4 phút)

- Giáo viên giơ thẻ dấu =: "Đây là dấu bằng"
- "Dấu = nghĩa là 'kết quả là', 'bằng'"
- " $2 + 1 = 3$ "
- Đọc to: "2 cộng 1 bằng 3"
- Trẻ theo đọc nhiều lần

Hoạt động 3: Thực hành phép cộng với đồ vật (12 phút)

Bước 1: Phép cộng $1 + 1 = 2$ (4 phút)

- Giáo viên lấy 1 quả táo: "Cô có 1 quả táo"
- Lấy thêm 1 quả táo nữa: "Cô lấy thêm 1 quả táo"

- "Gộp lại cô có mấy quả táo?" - Đếm: "1, 2"
- Viết trên bảng: $1 + 1 = 2$
- Trẻ thực hành với kẹo: 1 viên + 1 viên = 2 viên

Bước 2: Phép cộng $2 + 1 = 3$ (4 phút)

- Đặt 2 viên bi vào ly thứ nhất
- Đặt 1 viên bi vào ly thứ hai
- "2 viên bi cộng 1 viên bi bằng mấy?"
- Đổ chung vào 1 ly, đếm: "1, 2, 3"
- Viết: $2 + 1 = 3$
- Trẻ thực hành với đồ vật của mình

Bước 3: Các phép cộng khác (4 phút)

- $1 + 2 = 3$: Dùng kẹo đỏ và kẹo vàng
- $2 + 2 = 4$: Dùng 2 nhóm viên bi
- $1 + 3 = 4$: Dùng táo và cam
- $2 + 3 = 5$: Dùng đồ chơi xếp hình
- Mỗi phép tính cho trẻ thực hành theo

Hoạt động 4: Viết phép tính cộng (8 phút)

Bước 1: Hướng dẫn viết phép tính (4 phút)

- "Viết số đầu tiên, viết dấu +, viết số thứ hai"
- "Viết dấu =, rồi viết kết quả"
- Minh họa: $1 + 1 = 2$
- Chú ý khoảng cách giữa các ký hiệu

Bước 2: Trẻ luyện viết (4 phút)

- Mỗi trẻ viết 3 phép tính:
 - $1 + 1 = 2$
 - $2 + 1 = 3$

○ $1 + 2 = 3$

- Giáo viên kiểm tra và hỗ trợ từng em
- Chữa lỗi về cách viết và tỷ lệ

Hoạt động 5: Trò chơi củng cố (2 phút)

Trò chơi "Ai nhanh hơn":

- Giáo viên đưa ra 2 nhóm đồ vật
- Trẻ nhanh chóng nói phép cộng tương ứng
- Ví dụ: 2 bút + 1 bút $\rightarrow$ " $2 + 1 = 3$ "
- Khen thưởng nhóm trả lời nhanh và đúng

Đánh giá:

Tiêu chí đánh giá:

- Hiểu khái niệm: Trẻ hiểu phép cộng là "gộp lại"
- Thực hành: Làm đúng phép cộng với đồ vật
- Viết phép tính: Viết đúng thứ tự $a + b = c$
- Nhận biết dấu: Phân biệt được dấu + và =

Mức độ:

- ✓ Thành thạo: Làm đúng tất cả, tự tin thể hiện
- ○ Đạt: Làm đúng phần lớn, còn chút do dự
- △ Cần luyện: Hiểu cơ bản nhưng còn chậm
- ✗ Chưa đạt: Chưa hiểu khái niệm cơ bản

BUỔI 7: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 5

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 40 phút
- Đối tượng: Trẻ đã hiểu phép cộng
- Mục tiêu: Hiểu phép trừ = "lấy bớt đi" = "bớt đi"

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu phép trừ có nghĩa là "lấy bớt đi"
- Thực hiện phép trừ trong phạm vi 5
- Viết được phép tính trừ dạng $a - b = c$
- Liên hệ phép trừ với phép cộng

Về kỹ năng:

- Đếm ngược để tìm kết quả
- Sử dụng đồ vật để minh họa phép trừ
- Giải bài toán thực tế đơn giản
- So sánh phép cộng và phép trừ

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 15 bánh quy nhỏ (có thể ăn được)
- Thẻ dấu - cỡ lớn
- Đĩa nhựa để đựng bánh quy
- Túi đựng đồ vật
- Bảng từ và bút màu

Đồ dùng học sinh:

- 10 viên kẹo mỗi em
- Giấy A4 và bút chì
- 1 hộp nhỏ để đựng kẹo
- Thẻ số để thực hành

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Dẫn dắt khái niệm phép trừ (10 phút)

Bước 1: Tạo tình huống thực tế (5 phút)

- Giáo viên đặt 3 bánh quy trên đĩa
- "Cô có 3 bánh quy ngon"
- Ăn 1 bánh quy trước mặt các em: "Cô ăn 1 bánh"

- "Bây giờ cô còn mấy bánh quy?"
- Cùng đếm: "1, 2 bánh quy"
- "Từ 3 bánh, cô lấy bớt 1 bánh, còn 2 bánh"

Bước 2: Giải thích khái niệm (5 phút)

- "Lấy bớt đi gọi là phép trừ"
- "Trừ nghĩa là bớt đi, lấy đi"
- Minh họa thêm: 4 viên kẹo, lấy đi 2 viên
- "4 lấy bớt 2 còn 2"
- Nhấn mạnh: "Phép trừ = lấy bớt đi"

Hoạt động 2: Giới thiệu dấu trừ (-) (8 phút)

Bước 1: Nhận biết dấu - (4 phút)

- Giáo viên giơ thẻ dấu -: "Đây là dấu trừ"
- "Dấu - nghĩa là 'lấy bớt', 'bớt đi'"
- So sánh với dấu +: "Cộng là thêm vào, trừ là bớt đi"
- Trẻ làm động tác tay tạo dấu -

Bước 2: Đọc phép trừ (4 phút)

- Viết trên bảng: $3 - 1 = 2$
- Đọc: "3 trừ 1 bằng 2"
- "Hoặc: 3 bớt đi 1 bằng 2"
- Trẻ theo đọc nhiều lần
- Giải thích: 3 (số bị trừ), 1 (số trừ), 2 (hiệu)

Hoạt động 3: Thực hành phép trừ với đồ vật (15 phút)

Bước 1: Phép trừ $2 - 1 = 1$ (5 phút)

- Đặt 2 viên kẹo trên bàn
- "Có 2 viên kẹo"
- Lấy đi 1 viên: "Lấy bớt 1 viên"
- "Còn lại mấy viên?" - Đếm: "1 viên"

- Viết: $2 - 1 = 1$
- Trẻ thực hành với kẹo của mình

Bước 2: Phép trừ $3 - 1 = 2$ (5 phút)

- Đặt 3 bánh quy trên đĩa
- Ăn 1 bánh: "Cô ăn 1 bánh"
- "Còn lại mấy bánh?" - Đếm: "1, 2 bánh"
- Viết: $3 - 1 = 2$
- Trẻ thực hành: 3 viên kẹo bớt 1 viên

Bước 3: Các phép trừ khác (5 phút)

- $3 - 2 = 1$: Dùng 3 viên bi, lấy đi 2 viên
- $4 - 1 = 3$: Dùng 4 đồ chơi, cất đi 1 cái
- $4 - 2 = 2$: Dùng 4 que tính, gãy đôi
- $5 - 3 = 2$: Dùng 5 viên kẹo, cho bạn 3 viên
- Mỗi phép tính để trẻ thực hành

Hoạt động 4: So sánh phép cộng và phép trừ (5 phút)

Bước 1: Thực hiện ngược nhau (3 phút)

- Bắt đầu với 2 viên kẹo
- Thêm 1 viên: $2 + 1 = 3$
- Bớt 1 viên: $3 - 1 = 2$ (trở về ban đầu)
- "Cộng và trừ là ngược nhau"

Bước 2: Trò chơi "Cộng hay trừ?" (2 phút)

- Đưa ra tình huống, trẻ quyết định dùng phép nào
- "Có 3 bút, mua thêm 2 bút" → Phép cộng
- "Có 5 kẹo, ăn 2 viên" → Phép trừ
- "Có 2 bạn, đến thêm 1 bạn" → Phép cộng

Hoạt động 5: Luyện viết phép trừ (2 phút)

Hướng dẫn viết:

- "Viết số bị trừ, viết dấu -, viết số trừ"
- "Viết dấu =, viết kết quả"
- Trê luyện viết: $3 - 1 = 2$, $4 - 2 = 2$

Đánh giá:

Kiểm tra:

- Hiểu đúng ý nghĩa phép trừ
- Thực hiện đúng với đồ vật
- Viết phép tính chính xác
- Phân biệt được phép cộng và trừ

Ghi chú theo dõi:

- Số em nắm vững: /
- Khó khăn chung: Phân biệt + và -
- Cần hỗ trợ thêm: /

BUỔI 8: HÌNH TRÒN VÀ HÌNH VUÔNG

Thông tin buổi học:

- Thời gian: 40 phút
- Mục tiêu: Nhận biết 2 hình cơ bản đầu tiên

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết hình tròn: không góc, trơn tru
- Nhận biết hình vuông: 4 góc, 4 cạnh bằng nhau
- Phân biệt được 2 hình này
- Tìm thấy trong thực tế

Về kỹ năng:

- Quan sát và so sánh hình dạng
- Vẽ hình tròn và hình vuông cơ bản

- Phân loại đồ vật theo hình dạng
- Mô tả đặc điểm của hình

Chuẩn bị:

Hình tròn và vuông bằng nhiều chất liệu:

- Giấy màu các kích cỡ khác nhau
- Gỗ, nhựa, bìa cứng
- Đồ vật thực tế: bóng, đĩa, hộp, sách

Đồ dùng khác:

- Giấy A4 và bút màu
- Khuôn vẽ hình tròn và vuông
- Túi đựng đồ vật để phân loại

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Giới thiệu hình tròn (12 phút)

Bước 1: Quan sát hình tròn (5 phút)

- Giáo viên giới thiệu hình tròn lớn bằng giấy đỏ
- "Đây là hình tròn"
- Cho trẻ sờ: "Hình tròn trơn tru, không có góc cạnh"
- Lăn hình tròn trên bàn: "Hình tròn lăn được"
- So sánh với bánh xe: "Tại sao bánh xe làm tròn?"

Bước 2: Tìm đồ vật hình tròn (4 phút)

- "Ai tìm được đồ vật hình tròn trong lớp?"
- Trẻ tìm: đồng hồ, bóng, đĩa, nắp chai...
- Mỗi em mang 1 vật lên bàn giáo viên
- Kiểm tra: "Có phải hình tròn không?"

Bước 3: Vẽ hình tròn (3 phút)

- "Vẽ hình tròn bằng tay: từ trên, quay xuống, quay lên"
- Trẻ luyện vẽ trên không khí
- Vẽ trên giấy, dùng khuôn hỗ trợ nếu cần

- "Hình tròn như mặt trời, như bánh quy"

Hoạt động 2: Giới thiệu hình vuông (12 phút)

Bước 1: Quan sát hình vuông (5 phút)

- Giáo viên giới thiệu hình vuông xanh
- "Đây là hình vuông"
- Cho trẻ sờ từng góc: "1, 2, 3, 4 góc"
- Chỉ từng cạnh: "4 cạnh bằng nhau"
- "Hình vuông có góc, không trơn như hình tròn"

Bước 2: So sánh với hình tròn (4 phút)

- Đặt hình tròn và hình vuông cạnh nhau
- "Khác nhau ở chỗ nào?"
- Trẻ quan sát và nhận xét
- "Hình tròn trơn, hình vuông có góc"
- Thử lăn: hình tròn lăn được, hình vuông không

Bước 3: Tìm đồ vật hình vuông (3 phút)

- Tìm trong lớp: hộp, sách, gạch, bảng...
- Mỗi em mang 1 vật hình vuông
- Kiểm tra: đếm góc và cạnh
- "Có đúng 4 góc và 4 cạnh không?"

Hoạt động 3: Trò chơi phân loại (11 phút)

Bước 1: Chuẩn bị 2 nhóm đồ vật (3 phút)

- Giáo viên đổ ra 10-15 đồ vật hỗn hợp
- Có cả hình tròn và hình vuông
- Chuẩn bị 2 rổ: 1 rổ cho hình tròn, 1 rổ cho hình vuông

Bước 2: Trẻ phân loại (5 phút)

- Chia lớp thành 2 đội
- Đội 1 tìm đồ vật hình tròn bỏ vào rổ

- Đội 2 tìm đồ vật hình vuông bỏ vào rổ
- Xem đội nào tìm nhanh và đúng hơn

Bước 3: Kiểm tra kết quả (3 phút)

- Lần lượt lấy từng đồ vật ra kiểm tra
- "Đây có phải hình tròn/vuông không?"
- Giải thích nếu có sai sót
- Khen thưởng cả 2 đội

Hoạt động 4: Vẽ hình sáng tạo (5 phút)

Kết hợp 2 hình:

- Trẻ vẽ 1 hình tròn và 1 hình vuông trên giấy
- Tô màu khác nhau cho mỗi hình
- Sáng tạo: vẽ mặt người (hình tròn) với mũ (hình vuông)
- Hoặc vẽ bánh xe (hình tròn) với thùng xe (hình vuông)

Đánh giá:

- Nhận biết đúng hình tròn và hình vuông
- Tìm được đồ vật tương ứng
- Vẽ được 2 hình cơ bản
- Phân loại chính xác

BUỔI 9: HÌNH TAM GIÁC VÀ HÌNH CHỮ NHẬT

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ đã biết hình tròn và hình vuông
- **Mục tiêu:** Bổ sung 2 hình cơ bản còn lại

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết hình tam giác: 3 góc, 3 cạnh
- Nhận biết hình chữ nhật: 4 góc, cạnh đối diện bằng nhau
- So sánh với hình vuông và hình tròn
- Phân loại 4 hình cơ bản

Về kỹ năng:

- Đếm góc và cạnh của hình
- Xếp hình từ các hình cơ bản
- Vẽ hình tam giác và chữ nhật đơn giản
- Quan sát và mô tả đặc điểm

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Hình tam giác và chữ nhật nhiều màu, nhiều kích cỡ
- Đồ chơi xếp hình hình học
- Que tính để tạo hình tam giác
- Giấy A4 và kéo để cắt hình

Đồ dùng học sinh:

- Bộ hình học nhỏ (4 loại hình)
- Giấy màu và kéo nhỏ an toàn
- Bút màu để tô
- Que tính ngắn

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập hình tròn và hình vuông (8 phút)

Bước 1: Nhắc lại kiến thức cũ (4 phút)

- "Tuần trước chúng ta học 2 hình nào rồi?"
- Trẻ: "Hình tròn và hình vuông!"
- Giáo viên giới thiệu hình tròn: "Đặc điểm gì?"
- Trẻ: "Tròn trịa, không có góc"
- Giáo viên giới thiệu hình vuông: "Còn hình này?"
- Trẻ: "4 góc, 4 cạnh bằng nhau"

Bước 2: Trò chơi "Nhận biết nhanh" (4 phút)

- Giáo viên giới thiệu các hình, trẻ nói tên
- Tăng tốc độ để tạo hứng thú
- Khen thưởng những em trả lời nhanh
- "Hôm nay chúng ta sẽ gặp 2 người bạn hình mới"

Hoạt động 2: Học hình tam giác (15 phút)

Bước 1: Giới thiệu hình tam giác (6 phút)

- Giáo viên giới thiệu hình tam giác đồ lớn
- "Đây là hình tam giác"
- Chỉ từng góc: "1, 2, 3 góc"
- Chỉ từng cạnh: "1, 2, 3 cạnh"
- "Tam giác nghĩa là có 3 góc"
- Cho trẻ sờ từng góc và cạnh

Bước 2: Tạo hình tam giác bằng que tính (5 phút)

- Giáo viên lấy 3 que tính
- Ghép thành hình tam giác trước mặt trẻ
- "3 que tính tạo thành hình tam giác"

- Cho từng nhóm 4-5 trẻ thực hành
- "Ai ghép được hình tam giác?"

Bước 3: Tìm hình tam giác trong thực tế (4 phút)

- "Ai biết đồ vật nào có hình tam giác?"
- Gợi ý: mũi tên, bánh sandwich cắt đôi
- Cắt hình vuông theo đường chéo thành 2 tam giác
- "1 hình vuông cắt ra được 2 hình tam giác"
- Cho trẻ quan sát và thử nghiệm

Hoạt động 3: Học hình chữ nhật (12 phút)

Bước 1: Giới thiệu hình chữ nhật (6 phút)

- Giáo viên giới thiệu hình chữ nhật xanh
- "Đây là hình chữ nhật"
- Đếm góc: "1, 2, 3, 4 góc giống hình vuông"
- Đo cạnh: "Cạnh đối diện bằng nhau"
- "Khác hình vuông ở chỗ: dài và rộng khác nhau"

Bước 2: So sánh với hình vuông (3 phút)

- Đặt hình vuông và hình chữ nhật cạnh nhau
- "Giống nhau: 4 góc, 4 cạnh"
- "Khác nhau: hình vuông cạnh bằng nhau, chữ nhật thì không"
- "Hình vuông là hình chữ nhật đặc biệt"

Bước 3: Tìm hình chữ nhật (3 phút)

- Trong lớp: bảng, cửa sổ, quyển sách

- Ở nhà: tivi, điện thoại, tờ giấy A4
- "Hình chữ nhật rất phổ biến trong cuộc sống"

Hoạt động 4: Xếp hình sáng tạo (5 phút)

Hoạt động tự do:

- Cho trẻ bộ 4 loại hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật
- Tạo ra những hình ảnh từ các hình cơ bản:
 - Ngôi nhà: tam giác (mái) + chữ nhật (tường) + hình vuông (cửa)
 - Xe ô tô: chữ nhật (thân xe) + 2 hình tròn (bánh xe)
 - Robot: hình vuông (đầu) + chữ nhật (thân) + tam giác (tay)
- Khuyến khích sự sáng tạo

Đánh giá:

Kiểm tra nhanh:

- Nhận biết được 4 hình cơ bản
- Đếm đúng số góc và cạnh
- Phân biệt được hình vuông và hình chữ nhật
- Tạo được hình đơn giản

Ghi chép:

- Em nào còn nhầm lẫn hình vuông và chữ nhật
- Mức độ sáng tạo khi xếp hình
- Khả năng làm việc nhóm

BUỔI 10: ÔN TẬP GIỮA KHÓA

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 45 phút (tăng 5 phút do ôn tập nhiều nội dung)
- **Mục tiêu:** củng cố toàn bộ kiến thức đã học
- **Hình thức:** Trò chơi và thi đua vui vẻ

Nội dung ôn tập:

1. Số từ 0-10: nhận biết, viết, đếm
2. Phép cộng và trừ trong phạm vi 5
3. So sánh: nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau
4. 4 hình cơ bản: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật

Chuẩn bị:

Đồ dùng thi đua:

- Phiếu bài tập tổng hợp cho mỗi trẻ
- Thẻ thưởng hình ngôi sao
- Bảng điểm cho 4 đội
- Đồ dùng từ tất cả các buổi trước
- Phần thưởng nhỏ (sticker, kẹo)

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập số 0-10 (12 phút)

Bước 1: Trò chơi "Tàu tốc hành" (6 phút)

- Chia lớp thành 4 đội, mỗi đội 1 hàng
- Đội 1: Đếm từ 0-10
- Đội 2: Đếm ngược từ 10-0
- Đội 3: Đếm số chẵn: 0, 2, 4, 6, 8, 10
- Đội 4: Đếm số lẻ: 1, 3, 5, 7, 9

- Đội nào đếm đúng và nhanh nhất được 3 điểm

Bước 2: Trò chơi "Số nào mất rồi?" (3 phút)

- Dán thẻ số 0-10 lên bảng
- Cho trẻ nhắm mắt, lấy đi 2-3 thẻ
- "Mở mắt! Những số nào mất rồi?"
- Đội trả lời đúng được 2 điểm

Bước 3: Viết số theo yêu cầu (3 phút)

- Mỗi đội cử 1 đại diện lên bảng
- Giáo viên đọc số, các em viết
- "Viết số 7, số 0, số 10"
- Viết đúng được 1 điểm mỗi số

Hoạt động 2: Ôn tập phép cộng và trừ (13 phút)

Bước 1: Thi giải toán nhanh (8 phút)

- Mỗi đội được 5 phép tính:
 - **Đội 1:** $1+1$, $2+1$, $3+1$, $1+2$, $2+2$
 - **Đội 2:** $3-1$, $4-1$, $5-1$, $4-2$, $5-2$
 - **Đội 3:** $1+3$, $2+3$, $3+2$, $4+1$, $1+4$
 - **Đội 4:** $5-3$, $4-3$, $3-2$, $5-4$, $4-4$
- Thời gian: 2 phút mỗi đội
- Tính đúng 1 phép được 1 điểm

Bước 2: Toán thực tế (5 phút)

- Đưa ra các tình huống:

- "Có 3 bút, mua thêm 2 bút. Có tất cả mấy bút?"
- "Có 5 kẹo, ăn 2 viên. Còn mấy viên?"
- "2 bạn chơi, đến thêm 3 bạn. Có mấy bạn?"
- Mỗi đội lần lượt trả lời
- Đúng được 2 điểm mỗi câu

Hoạt động 3: Ôn tập so sánh số lượng (8 phút)

Trò chơi "Ai có mắt tinh?"

- Chuẩn bị các cặp nhóm đồ vật:
 - 4 táo và 6 cam
 - 3 bút và 3 thước
 - 7 viên bi và 5 viên kẹo
- Mỗi đội chọn 1 cặp để so sánh
- Trả lời: "Cái nào nhiều hơn/ít hơn/bằng nhau?"
- Giải thích tại sao? (đếm để chứng minh)
- Đúng được 3 điểm

Hoạt động 4: Ôn tập hình học (10 phút)

Bước 1: Nhận biết hình (5 phút)

- Giáo viên giơ lên các hình, trẻ nói tên
- Tăng tốc độ để tăng thử thách
- Mỗi đội có 10 lượt trả lời
- Đúng 1 hình được 0.5 điểm

Bước 2: Phân loại hình (5 phút)

- Đổ ra 20 đồ vật có 4 hình khác nhau

- Mỗi đội phụ trách 1 loại hình:
 - Đội 1: Tìm hình tròn
 - Đội 2: Tìm hình vuông
 - Đội 3: Tìm hình tam giác
 - Đội 4: Tìm hình chữ nhật
- Thời gian: 2 phút
- Tìm đúng 1 đồ vật được 1 điểm

Hoạt động 5: Tổng kết và khen thưởng (2 phút)

Thống kê điểm số:

- Đếm điểm từng đội
- Tuyên bố đội thắng cuộc
- Khen thưởng tất cả các đội đã cố gắng
- Phát thưởng (sticker hoặc kẹo nhỏ)

Đánh giá tổng thể:

Tiêu chí đánh giá cá nhân:

A. Số học (0-10 điểm):

- Nhận biết số 0-10: ____/3 điểm
- Viết số đúng: ____/3 điểm
- Đếm thành thạo: ____/2 điểm
- So sánh số lượng: ____/2 điểm

B. Phép tính (0-10 điểm):

- Phép cộng trong phạm vi 5: ____/5 điểm
- Phép trừ trong phạm vi 5: ____/5 điểm

C. Hình học (0-10 điểm):

- Nhận biết 4 hình cơ bản: ____/6 điểm
- Phân loại đồ vật theo hình: ____/4 điểm

Mức độ tổng thể:

- **26-30 điểm:** Xuất sắc - Đã sẵn sàng học nâng cao
- **21-25 điểm:** Tốt - Nắm vững kiến thức cơ bản
- **16-20 điểm:** Khá - Cần củng cố một số phần
- **10-15 điểm:** Trung bình - Cần ôn tập thêm
- **Dưới 10 điểm:** Cần hỗ trợ đặc biệt

Nhận xét chung của giáo viên:

- Những điểm mạnh của lớp: _____
 - Những điểm cần cải thiện: _____
 - Kế hoạch hỗ trợ những em chậm: _____
 - Điều chỉnh chương trình (nếu cần): _____
-

BUỔI 11: PHÉP CỘNG CÓ TỔNG TỪ 6-8

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ đã thành thạo cộng trong phạm vi 5
- **Mục tiêu:** Mở rộng phạm vi phép cộng

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Thực hiện phép cộng có tổng 6, 7, 8
- Hiểu các cách ghép số để được cùng một tổng
- Nhận biết tính giao hoán: $a + b = b + a$
- Vận dụng vào bài toán thực tế

Về kỹ năng:

- Đếm nhanh để tìm tổng
- Sử dụng ngón tay hỗ trợ tính toán
- Kiểm tra kết quả bằng cách đếm ngược
- Giải thích cách tính

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 20 viên bi 2 màu (10 đỏ, 10 xanh)
- 2 hộp trong suốt có nắp
- Bảng cộng 6, 7, 8 (tự làm)
- Que tính đủ cho cả lớp

Đồ dùng học sinh:

- 15 hạt đậu mỗi em
- 2 ly nhựa nhỏ
- Giấy ô vuông để ghi phép tính
- Bút chì màu

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập phép cộng trong phạm vi 5 (8 phút)

Bước 1: Kiểm tra bài cũ (4 phút)

- "Ai nhớ các phép cộng có tổng bằng 5?"
- Trẻ liệt kê: $1+4$, $2+3$, $3+2$, $4+1$, $5+0$, $0+5$
- Giáo viên ghi lên bảng
- "Tuyệt vời! Hôm nay chúng ta học cộng số lớn hơn"

Bước 2: Trò chơi khởi động (4 phút)

- Chia lớp thành 2 đội
- Đội 1: Nói phép cộng, đội 2 nói kết quả
- Ví dụ: $2 + 3 \rightarrow 5$
- Đổi vai sau 5 phép tính
- Tạo không khí vui vẻ trước bài mới

Hoạt động 2: Học phép cộng có tổng bằng 6 (10 phút)

Bước 1: Khám phá các cách tạo ra số 6 (6 phút)

- Đặt 6 viên bi trên bàn
- "6 viên bi này có thể chia như thế nào?"
- Thực hành từng cách:
 - 1 viên đỏ + 5 viên xanh = 6
 - 2 viên đỏ + 4 viên xanh = 6
 - 3 viên đỏ + 3 viên xanh = 6
 - 4 viên đỏ + 2 viên xanh = 6
 - 5 viên đỏ + 1 viên xanh = 6
- Ghi các phép tính: $1+5=6$, $2+4=6$, $3+3=6$, $4+2=6$, $5+1=6$

Bước 2: Phát hiện tính giao hoán (4 phút)

- So sánh: $1+5=6$ và $5+1=6$

- "Hai phép tính này có gì giống nhau?"
- "Đổi chỗ 2 số nhưng kết quả không thay đổi"
- Tương tự: $2+4=6$ và $4+2=6$
- "Đây là quy luật thần kỳ của phép cộng!"

Hoạt động 3: Học phép cộng có tổng bằng 7 (10 phút)

Bước 1: Tìm các cách tạo số 7 (5 phút)

- Dùng 7 que tính
- Cho trẻ tự khám phá các cách chia
- Hướng dẫn: "Bỏ 1 que sang bên này, còn lại mấy que?"
- Trẻ thực hành: $1+6$, $2+5$, $3+4$, $4+3$, $5+2$, $6+1$
- Ghi kết quả trên bảng

Bước 2: Thực hành với đồ vật khác (5 phút)

- Dùng 7 hạt đậu chia vào 2 ly
- Mỗi trẻ thực hiện 1 cách chia khác nhau
- "Em An chia $2+5$, em Bình chia $3+4$ "
- Kiểm tra: đếm lại tổng có đúng 7 không
- Khen ngợi sự sáng tạo của trẻ

Hoạt động 4: Học phép cộng có tổng bằng 8 (10 phút)

Bước 1: Thách thức với số 8 (6 phút)

- "Số 8 có bao nhiêu cách chia?"
- Cho trẻ tự khám phá với 8 viên kẹo
- Hướng dẫn nếu cần: $1+7$, $2+6$, $3+5$, $4+4$, $5+3$, $6+2$, $7+1$
- "Số 8 có 7 cách chia khác nhau!"

Bước 2: Trò chơi "Ai nhanh hơn" (4 phút)

- Chia lớp thành 3 nhóm
- Nhóm 1: Tìm các cách tạo số 6
- Nhóm 2: Tìm các cách tạo số 7
- Nhóm 3: Tìm các cách tạo số 8
- Nhóm nào tìm đủ và nhanh nhất thắng cuộc

Hoạt động 5: Củng cố và đánh giá (2 phút)

Kiểm tra nhanh:

- " $6 = ? + ?$ " (nhiều đáp án)
- " $7 = ? + ?$ " (nhiều đáp án)
- " $8 = ? + ?$ " (nhiều đáp án)
- Mỗi em nói 1 phép tính có tổng 6, 7 hoặc 8

Đánh giá:

- Tìm được ít nhất 3 cách tạo mỗi số
- Hiểu tính giao hoán cơ bản
- Thực hiện phép cộng chính xác
- Sử dụng đồ vật để kiểm tra kết quả

BUỔI 12: PHÉP CỘNG CÓ TỔNG TỪ 9-10

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ đã thành thạo phép cộng có tổng 6-8
- **Mục tiêu:** Hoàn thiện kỹ năng cộng trong phạm vi 10

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Thực hiện thành thạo phép cộng có tổng 9 và 10
- Liệt kê được tất cả các cách tạo số 9 và 10
- Vận dụng linh hoạt tính giao hoán
- Giải bài toán thực tế có phép cộng

Về kỹ năng:

- Tính nhanh các phép cộng trong phạm vi 10
- Kiểm tra kết quả bằng nhiều cách
- Sử dụng đồ vật hỗ trợ tính toán
- Giải thích lý do chọn phép cộng

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 30 que tính màu xanh và đỏ
- Bảng cộng từ 1-10 (tự làm)
- 20 viên bi nhiều màu
- 3 hộp nhựa trong suốt
- Tranh minh họa tình huống thực tế

Đồ dùng học sinh:

- 20 hạt đậu mỗi em (2 màu)
- 3 ly nhựa nhỏ
- Giấy ô vuông để viết phép tính
- Bút chì và bút màu

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập và khởi động (8 phút)

Bước 1: Kiểm tra bài cũ (4 phút)

- "Ai nhớ các cách tạo số 8?"
- Trẻ liệt kê: $1+7$, $2+6$, $3+5$, $4+4$, $5+3$, $6+2$, $7+1$
- "Tuyệt vời! Hôm nay chúng ta học số 9 và 10"
- Khen ngợi những em nhớ đầy đủ

Bước 2: Trò chơi "Cộng nhanh" (4 phút)

- Giáo viên đưa ra phép tính, trẻ thi nói kết quả
- $3 + 4 = ? \rightarrow "7!"$
- $2 + 5 = ? \rightarrow "7!"$
- $1 + 6 = ? \rightarrow "7!"$
- Tăng tốc độ để tạo hứng thú

Hoạt động 2: Khám phá các cách tạo số 9 (12 phút)

Bước 1: Thực hành với que tính (6 phút)

- Đặt 9 que tính trên bàn
- "9 que tính này có thể chia thành 2 nhóm như thế nào?"
- Hướng dẫn trẻ thực hành:

- 1 que đỏ + 8 que xanh = 9
- 2 que đỏ + 7 que xanh = 9
- 3 que đỏ + 6 que xanh = 9
- 4 que đỏ + 5 que xanh = 9
- Ghi các phép tính: $1+8=9$, $2+7=9$, $3+6=9$, $4+5=9$

Bước 2: Phát hiện tính đối xứng (3 phút)

- "Ai phát hiện ra điều đặc biệt?"
- So sánh: $1+8=9$ và $8+1=9$
- "Đổi chỗ 2 số, kết quả vẫn như cũ"
- Tương tự: $2+7=9$ và $7+2=9$, $3+6=9$ và $6+3=9$

Bước 3: Thực hành với viên bi (3 phút)

- Chia 9 viên bi vào 2 hộp
- Mỗi trẻ thử 1 cách chia khác nhau
- Kiểm tra: đếm lại tổng có đúng 9 không
- "Em nào có cách chia độc đáo?"

Hoạt động 3: Khám phá các cách tạo số 10 (12 phút)

Bước 1: Giới thiệu tính đặc biệt của số 10 (4 phút)

- "Số 10 rất đặc biệt - bằng 2 bàn tay"
- Giơ 10 ngón tay: "1, 2, 3... 10!"
- "10 là số lớn nhất chúng ta học"
- "Hãy tìm các cách tạo ra số 10"

Bước 2: Thực hành với hạt đậu (5 phút)

- Mỗi trẻ có 10 hạt đậu (5 đỏ, 5 trắng)
- Tự khám phá các cách chia:
 - $1+9=10$, $2+8=10$, $3+7=10$, $4+6=10$, $5+5=10$
 - $6+4=10$, $7+3=10$, $8+2=10$, $9+1=10$
- "Số 10 có 9 cách chia!"

Bước 3: Trường hợp đặc biệt $5+5=10$ (3 phút)

- "Cách chia nào đặc biệt nhất?"
- Chỉ vào $5+5=10$: "Hai số giống nhau!"
- "Chia đôi 10 hạt đậu, mỗi bên có 5"
- " $5+5$ là cách chia đẹp nhất"

Hoạt động 4: Bài toán thực tế (6 phút)

Bước 1: Tình huống về số 9 (3 phút)

- "Lan có 4 cây bút. Mẹ mua thêm 5 cây bút. Lan có tất cả bao nhiêu cây bút?"
- Trẻ thực hành với đồ vật: 4 bút + 5 bút
- Đếm: "1, 2, 3... 9 cây bút"
- Viết phép tính: $4 + 5 = 9$

Bước 2: Tình huống về số 10 (3 phút)

- "Trong lớp có 6 bạn nam và 4 bạn nữ. Có tất cả bao nhiêu bạn?"
- Thực hành: 6 hạt đậu đỏ (nam) + 4 hạt đậu trắng (nữ)
- Đếm: "1, 2, 3... 10 bạn"
- Viết: $6 + 4 = 10$

Hoạt động 5: Củng cố và đánh giá (2 phút)

Kiểm tra nhanh:

- " $9 = ? + ?$ " (cho nhiều đáp án)
- " $10 = ? + ?$ " (cho nhiều đáp án)
- Mỗi em viết 1 phép cộng có tổng 9 hoặc 10

Đánh giá:

- Tìm được ít nhất 4 cách tạo số 9 và 10
 - Thực hiện phép cộng chính xác
 - Giải được bài toán thực tế đơn giản
 - Hiểu và vận dụng tính giao hoán
-

BUỔI 13: PHÉP TRỪ NÂNG CAO TRONG PHẠM VI 10

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ đã biết phép cộng trong phạm vi 10
- **Mục tiêu:** Nâng cao kỹ năng phép trừ

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Thực hiện phép trừ có số bị trừ ≤ 10
- Hiểu mối liên hệ giữa phép cộng và phép trừ
- Kiểm tra phép trừ bằng phép cộng
- Giải bài toán thực tế có phép trừ

Về kỹ năng:

- Đếm ngược để thực hiện phép trừ

- Sử dụng đồ vật minh họa phép trừ
- Viết phép tính trừ đúng cách
- So sánh và liên hệ phép cộng-trừ

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 20 bánh quy nhỏ (ăn được)
- Đĩa lớn và túi đựng
- Bảng quan hệ cộng-trừ
- 15 đồ chơi nhỏ đa dạng

Đồ dùng học sinh:

- 15 viên kẹo mỗi em
- 1 hộp nhỏ để đựng
- Giấy và bút để viết phép tính
- Thẻ số từ 0-10

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập phép trừ cơ bản (8 phút)

Bước 1: Nhắc lại khái niệm phép trừ (4 phút)

- "Phép trừ có nghĩa là gì?"
- Trẻ: "Lấy bớt đi, bớt đi"
- Minh họa: 5 bánh quy, ăn 2 bánh
- " $5 - 2 = 3$. Còn lại 3 bánh"

Bước 2: Ôn tập phép trừ trong phạm vi 5 (4 phút)

- Thực hành nhanh:

- $5 - 1 = 4, 5 - 2 = 3, 5 - 3 = 2$
- $4 - 1 = 3, 4 - 2 = 2, 4 - 3 = 1$
- $3 - 1 = 2, 3 - 2 = 1$
- "Hôm nay chúng ta học trừ số lớn hơn"

Hoạt động 2: Phép trừ có số bị trừ 6-8 (12 phút)

Bước 1: Thực hành trừ từ số 6 (4 phút)

- Đặt 6 đồ chơi trên bàn
- Thực hiện từng phép trừ:
 - $6 - 1 = 5$ (cất 1 đồ chơi)
 - $6 - 2 = 4$ (cất 2 đồ chơi)
 - $6 - 3 = 3$ (cất 3 đồ chơi)
 - $6 - 4 = 2, 6 - 5 = 1, 6 - 6 = 0$
- Trẻ thực hành với 6 viên kẹo

Bước 2: Thực hành trừ từ số 7 và 8 (4 phút)

- **Với số 7:** $7-1=6, 7-2=5, 7-3=4, 7-4=3, 7-5=2, 7-6=1, 7-7=0$
- **Với số 8:** $8-1=7, 8-2=6, 8-3=5, 8-4=4, 8-5=3, 8-6=2, 8-7=1, 8-8=0$
- Mỗi nhóm 4-5 trẻ thực hành 1 bộ phép tính

Bước 3: Phát hiện quy luật (4 phút)

- "Khi số bị trừ = số trừ thì kết quả = ?"
- "Bằng 0!" ($6-6=0, 7-7=0, 8-8=0$)
- "Khi số trừ = 1 thì kết quả = số bị trừ - 1"
- "Trừ 1 nghĩa là lùi lại 1 bước"

Hoạt động 3: Phép trừ có số bị trừ 9-10 (10 phút)

Bước 1: Thách thức với số 9 (5 phút)

- "Ai dám thử trừ từ số 9?"
- Dùng 9 bánh quy, thực hiện:
 - $9 - 1 = 8$, $9 - 2 = 7$, $9 - 3 = 6$
 - $9 - 4 = 5$, $9 - 5 = 4$, $9 - 6 = 3$
 - $9 - 7 = 2$, $9 - 8 = 1$, $9 - 9 = 0$
- Trẻ thực hành song song

Bước 2: Chinh phục số 10 (5 phút)

- "Số 10 - số lớn nhất chúng ta học!"
- Dùng 10 ngón tay để minh họa:
 - $10 - 1 = 9$ (khép 1 ngón)
 - $10 - 2 = 8$ (khép 2 ngón)
 - Tiếp tục đến $10 - 10 = 0$
- "Từ 10 có thể trừ đi bất kỳ số nào từ 1-10"

Hoạt động 4: Mối liên hệ cộng-trừ (8 phút)

Bước 1: Phát hiện mối quan hệ (4 phút)

- Thực hành: $3 + 4 = 7$
- Ngược lại: $7 - 4 = 3$ và $7 - 3 = 4$
- "Phép cộng và phép trừ là bạn của nhau"
- "Biết phép cộng, có thể suy ra 2 phép trừ"

Bước 2: Kiểm tra phép trừ bằng phép cộng (4 phút)

- Ví dụ: $8 - 3 = 5$
- Kiểm tra: $5 + 3 = 8$ ✓

- "Nếu phép cộng đúng thì phép trừ cũng đúng"
- Trẻ thực hành kiểm tra với các phép tính khác

Hoạt động 5: Bài toán thực tế (2 phút)

Tình huống đơn giản:

- "Bình có 10 viên kẹo. Bình cho bạn 3 viên. Bình còn mấy viên?"
- Thực hành: $10 - 3 = 7$
- "Kiểm tra: $7 + 3 = 10$ ✓"

Đánh giá:

- Thực hiện đúng phép trừ trong phạm vi 10
- Hiểu mối liên hệ cộng-trừ
- Kiểm tra kết quả bằng phép cộng
- Giải được bài toán thực tế

BUỔI 14: BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN ĐƠN GIẢN

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ đã biết phép cộng và trừ trong phạm vi 10
- **Mục tiêu:** Ứng dụng toán học vào thực tế

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Đọc hiểu bài toán có lời văn đơn giản
- Xác định được phép tính cần dùng (cộng hay trừ)

- Giải bài toán theo các bước logic
- Viết lời giải và trình bày kết quả

Về kỹ năng:

- Phân tích đề bài và tìm số liệu
- Lựa chọn phép tính phù hợp
- Thực hiện phép tính chính xác
- Diễn đạt lời giải rõ ràng

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Tranh minh họa các tình huống
- Thẻ bài toán in sẵn
- Đồ vật để minh họa: táo, bút, sách
- Bảng phụ để viết lời giải

Đồ dùng học sinh:

- Đồ vật nhỏ để tính toán
- Giấy A4 để viết lời giải
- Bút chì và bút màu
- Thẻ dấu $+$, $-$, $=$

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Giới thiệu bài toán có lời văn (10 phút)

Bước 1: Khái niệm bài toán có lời văn (5 phút)

- "Bài toán có lời văn là gì?"
- "Là câu chuyện có chứa số, cần tìm đáp án"

- Ví dụ đơn giản:

"Lan có 3 quả táo. Mẹ cho thêm 2 quả táo. Lan có tất cả bao nhiêu quả táo?"

- "Đây là bài toán có lời văn"

Bước 2: Phân tích bài toán mẫu (5 phút)

- **Bước 1:** Đọc đề bài
- **Bước 2:** Tìm số liệu (3 quả, 2 quả)
- **Bước 3:** Hiểu yêu cầu (tìm tổng số táo)
- **Bước 4:** Chọn phép tính (cộng vì "thêm vào")
- **Bước 5:** Tính toán ($3 + 2 = 5$)
- **Bước 6:** Trả lời (Lan có 5 quả táo)

Hoạt động 2: Bài toán dùng phép cộng (10 phút)

Bài toán 1: (3 phút)

"Trong lớp có 4 bạn nam và 5 bạn nữ. Lớp có tất cả bao nhiêu bạn?"

- Cho trẻ đọc và phân tích
- Tìm số liệu: 4 bạn nam, 5 bạn nữ
- Chọn phép tính: cộng (gộp lại)
- Thực hành với đồ vật: $4 + 5 = 9$
- Trả lời: "Lớp có 9 bạn"

Bài toán 2: (3 phút)

"Bình có 2 cây bút. Bố mua thêm 6 cây bút. Bình có tất cả bao nhiêu cây bút?"

- Trẻ tự phân tích theo nhóm
- Số liệu: 2 cây bút, 6 cây bút

- Phép tính: $2 + 6 = 8$
- Đáp án: "Bình có 8 cây bút"

Bài toán 3: (4 phút)

"An đọc được 3 trang sách hôm qua và 4 trang sách hôm nay. An đã đọc được tất cả bao nhiêu trang?"

- Thực hành cá nhân
- Mỗi em viết lời giải trên giấy
- Kiểm tra và nhận xét

Hoạt động 3: Bài toán dùng phép trừ (10 phút)

Bài toán 1: (3 phút)

"Mẹ mua 8 quả cam. Gia đình ăn 3 quả cam. Còn lại bao nhiêu quả cam?"

- Phân tích: có 8 quả, ăn 3 quả
- Chọn phép trừ vì "ăn đi" = "bớt đi"
- Tính: $8 - 3 = 5$
- Trả lời: "Còn lại 5 quả cam"

Bài toán 2: (3 phút)

"Trong hộp có 10 viên kẹo. Lan lấy ra 4 viên kẹo. Trong hộp còn lại bao nhiêu viên kẹo?"

- Trẻ thực hành với kẹo thật
- $10 - 4 = 6$
- "Còn lại 6 viên kẹo"

Bài toán 3: (4 phút)

"Cây có 7 quả táo chín. Gió thổi rơi 2 quả táo. Trên cây còn lại bao nhiêu quả táo?"

- Thực hành nhóm

- Thảo luận và trình bày lời giải
- $7 - 2 = 5$ quả táo

Hoạt động 4: Bài toán hỗn hợp (8 phút)

Bài toán phức tạp hơn:

"Mai có 5 bông hoa. Mẹ cho thêm 3 bông hoa. Sau đó Mai tặng bạn 2 bông hoa. Mai còn lại bao nhiêu bông hoa

Hướng dẫn giải từng bước:

- **Bước 1:** Mai có 5 bông
- **Bước 2:** Mẹ cho thêm 3 bông $\rightarrow 5 + 3 = 8$ bông
- **Bước 3:** Tặng bạn 2 bông $\rightarrow 8 - 2 = 6$ bông
- **Đáp án:** Mai còn 6 bông hoa

Hoạt động 5: Thảo luận và chia sẻ (2 phút)

Các câu hỏi thảo luận:

- "Làm sao biết dùng phép cộng hay phép trừ?"
- "Từ nào gợi ý phép cộng?" (thêm, cho thêm, gộp lại...)
- "Từ nào gợi ý phép trừ?" (bớt đi, lấy ra, ăn, rơi...)

Đánh giá:

- Đọc hiểu đúng đề bài
 - Xác định đúng phép tính cần dùng
 - Thực hiện phép tính chính xác
 - Trình bày lời giải rõ ràng
 - Trả lời đúng câu hỏi của đề bài
-

BUỔI 15: ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA NHỎ

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Mục tiêu:** Đánh giá tiến bộ học tập của trẻ
- **Hình thức:** Kiểm tra vui nhộn kết hợp ôn tập

Nội dung kiểm tra:

1. **Phép cộng trong phạm vi 10** (10 điểm)
2. **Phép trừ trong phạm vi 10** (10 điểm)
3. **Bài toán có lời văn đơn giản** (10 điểm)
4. **Nhận biết và viết số 0-10** (5 điểm)
5. **Hình học cơ bản** (5 điểm)

Chuẩn bị:

Đề kiểm tra:

- Phiếu bài tập cá nhân cho mỗi trẻ
- Đồ dùng hỗ trợ: viên bi, que tính
- Thẻ thưởng và phần quà nhỏ
- Bảng theo dõi kết quả

Tiến trình chi tiết:

Phần 1: Ôn tập (15 phút)

Ôn tập phép cộng và trừ: (8 phút)

- Chơi trò "Ai nhanh hơn" với phép tính
- Mỗi đội giải 10 phép tính
- Khen thưởng để tạo động lực

Ôn tập bài toán có lời văn: (7 phút)

- Đọc chung 2-3 bài toán mẫu
- Hướng dẫn cách làm từng bước
- Nhấn mạnh từ khóa: thêm, bớt, tất cả, còn lại

Phần 2: Kiểm tra (20 phút)

Đề kiểm tra mẫu:

A. Phép cộng (2 điểm/câu):

1. $3 + 4 = \underline{\hspace{2cm}}$
2. $5 + 2 = \underline{\hspace{2cm}}$
3. $6 + 3 = \underline{\hspace{2cm}}$
4. $4 + 6 = \underline{\hspace{2cm}}$
5. $7 + 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

B. Phép trừ (2 điểm/câu):

1. $8 - 3 = \underline{\hspace{2cm}}$
2. $10 - 4 = \underline{\hspace{2cm}}$
3. $9 - 5 = \underline{\hspace{2cm}}$
4. $7 - 2 = \underline{\hspace{2cm}}$
5. $6 - 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

C. Bài toán có lời văn (5 điểm/câu):

1. Lan có 4 cây bút. Mẹ mua thêm 3 cây bút. Lan có tất cả bao nhiêu cây bút?
2. Trong hộp có 9 viên kẹo. Em ăn 2 viên kẹo. Còn lại bao nhiêu viên kẹo?

D. Viết số (1 điểm/câu):

Viết các số: 3, 7, 10, 0, 9

E. Hình học (1 điểm/câu):

Nói tên hình với hình vẽ: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật

Phần 3: Chấm bài và nhận xét (5 phút)

Chấm nhanh và thống kê:

- Giáo viên chấm ngay trong lớp
- Ghi điểm từng phần
- Xác định mức độ đạt được

Mức độ đánh giá:

- **35-40 điểm:** Xuất sắc
- **30-34 điểm:** Tốt
- **25-29 điểm:** Khá
- **20-24 điểm:** Trung bình
- **Dưới 20 điểm:** Cần hỗ trợ

Kết quả và hướng phát triển:

Thống kê chung lớp:

- Số em đạt mức xuất sắc: /
- Số em cần hỗ trợ thêm: /
- Điểm trung bình của lớp: ____/40

Kế hoạch hỗ trợ:

- Ôn tập thêm cho nhóm yếu
- Nâng cao cho nhóm giỏi
- Điều chỉnh phương pháp dạy học

BUỔI 16: ĐO LƯỜNG CƠ BẢN - DÀI, NGẮN

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ 5-6 tuổi
- **Mục tiêu:** Hiểu khái niệm độ dài và so sánh

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu khái niệm "dài" và "ngắn"
- So sánh độ dài của 2-3 đồ vật
- Sắp xếp đồ vật theo thứ tự dài-ngắn
- Ước lượng độ dài cơ bản

Về kỹ năng:

- Quan sát và so sánh trực quan
- Sử dụng từ ngữ mô tả chính xác
- Đo lường bằng đơn vị không chính thức
- Sắp xếp theo quy luật

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 5 thanh gỗ có độ dài khác nhau (10cm, 15cm, 20cm, 25cm, 30cm)
- 3 sợi dây màu khác nhau (ngắn, trung bình, dài)
- Thước kẻ lớn để minh họa
- Tranh so sánh: con voi và con kiến

Đồ dùng học sinh:

- 5 que tính mỗi em (độ dài khác nhau)
- 3 sợi dây ngắn để thực hành
- Giấy A4 và bút màu
- Các đồ vật có sẵn: bút chì, thước, tẩy

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Giới thiệu khái niệm dài-ngắn (10 phút)

Bước 1: So sánh trực quan (5 phút)

- Giáo viên giới 2 thanh gỗ: 1 thanh 10cm, 1 thanh 30cm
- "Ai thấy điều gì khác nhau giữa 2 thanh gỗ này?"
- Trẻ quan sát: "Thanh này dài hơn, thanh kia ngắn hơn"
- Đặt 2 thanh song song để so sánh rõ ràng
- "Thanh màu đỏ dài, thanh màu xanh ngắn"

Bước 2: Tìm ví dụ trong lớp học (5 phút)

- "Ai tìm được 2 vật có độ dài khác nhau?"
- Trẻ tìm: bút chì dài - bút chì ngắn, thước dài - tẩy ngắn
- So sánh chiều cao của trẻ: "Bạn nào cao hơn?"
- "Cao và thấp cũng là dài và ngắn"

Hoạt động 2: Thực hành so sánh 2 đối tượng (10 phút)

Bước 1: So sánh sợi dây (5 phút)

- Đưa ra 2 sợi dây: 1 sợi 20cm, 1 sợi 40cm
- "Sợi dây nào dài hơn?"
- Kéo thẳng 2 sợi dây, đặt cạnh nhau
- Trẻ chỉ và nói: "Sợi dây đỏ dài hơn sợi dây xanh"

- Mỗi em thực hành với 2 sợi dây của mình

Bước 2: So sánh que tính (5 phút)

- Cho trẻ lấy 2 que tính bất kỳ
- "Hãy so sánh 2 que tính này"
- Hướng dẫn cách so sánh: đặt thẳng hàng, cùng một đầu
- "Que nào nhô ra phía ngoài thì dài hơn"
- Thực hành với nhiều cặp que tính khác nhau

Hoạt động 3: So sánh 3 đối tượng trở lên (12 phút)

Bước 1: So sánh 3 thanh gỗ (6 phút)

- Đưa ra 3 thanh gỗ: 15cm, 20cm, 25cm
- "Thanh nào dài nhất? Thanh nào ngắn nhất?"
- Sắp xếp theo thứ tự: ngắn → dài
- "Thanh xanh ngắn nhất, thanh đỏ dài nhất"
- Trẻ thực hành sắp xếp 3 que tính

Bước 2: Sắp xếp 5 đối tượng (6 phút)

- Cho trẻ 5 que tính có độ dài khác nhau
- "Hãy sắp xếp từ ngắn nhất đến dài nhất"
- Hướng dẫn: "Tìm que ngắn nhất trước, rồi que dài hơn..."
- Kiểm tra kết quả từng em
- Khen ngợi những em sắp xếp đúng

Hoạt động 4: Đo lường bằng đơn vị không chính thức (6 phút)

Bước 1: Đo bằng que tính (3 phút)

- "Chiều dài bàn học bằng mấy que tính?"
- Đặt que tính nối tiếp nhau từ đầu này đến đầu kia
- Đếm: "1, 2, 3, 4, 5 que tính"
- "Bàn học dài 5 que tính"

Bước 2: Đo bằng bàn tay (3 phút)

- "Chiều dài băng bằng mấy bàn tay?"
- Dùng bàn tay làm thước đo
- "Băng dài 8 bàn tay"
- Trẻ thực hành đo các vật khác

Hoạt động 5: Trò chơi củng cố (2 phút)

Trò chơi "Ai dài hơn?":

- Chia lớp thành 2 đội
- Mỗi đội cử 2 em đứng cạnh nhau
- "Ai cao hơn?" - So sánh chiều cao
- Đội trả lời đúng được điểm

Đánh giá:

Tiêu chí đánh giá:

- **So sánh:** Phân biệt được dài-ngắn
 - **Sắp xếp:** Xếp đúng thứ tự 3-5 đối tượng
 - **Ngôn ngữ:** Dùng từ "dài hơn", "ngắn hơn", "dài nhất", "ngắn nhất"
 - **Đo lường:** Đo được bằng đơn vị đơn giản
-

BUỔI 17: NẶNG, NHẸ - TO, NHỎ

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Mục tiêu:** Hiểu các khái niệm đo lường khác

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Phân biệt "nặng" và "nhẹ"
- Phân biệt "to" và "nhỏ"
- So sánh khối lượng bằng cách cảm nặng
- So sánh kích thước bằng mắt thường

Về kỹ năng:

- Sử dụng giác quan để nhận biết
- Ước lượng khối lượng và kích thước
- Mô tả bằng ngôn ngữ phù hợp
- Liên hệ với thực tế cuộc sống

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 2 hộp giống nhau: 1 hộp đựng sách (nặng), 1 hộp rỗng (nhẹ)
- Bóng ping pong và bóng tennis
- Viên bi lớn và viên bi nhỏ
- Cân đĩa đơn giản (nếu có)

Đồ dùng học sinh:

- 2 túi giống nhau: 1 túi đựng đá (nặng), 1 túi đựng bông (nhẹ)

- Các đồ vật nhỏ khác nhau để so sánh
- Hộp nhỏ và hộp lớn
- Viên kẹo to và viên kẹo nhỏ

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Khái niệm nặng-nhẹ (12 phút)

Bước 1: Giới thiệu qua trải nghiệm (6 phút)

- Giáo viên cầm 2 hộp giống hình nhưng khác khối lượng
- "Cô sẽ cầm 2 hộp này. Ai đoán hộp nào nặng hơn?"
- Cầm hộp nặng: "Ôi, hộp này nặng quá!"
- Cầm hộp nhẹ: "Hộp này nhẹ nhàng"
- Cho từng trẻ cầm thử và cảm nhận

Bước 2: Giải thích nguyên nhân (3 phút)

- Mở hộp nặng: "Trong này có sách"
- Mở hộp nhẹ: "Hộp này rỗng"
- "Hộp có đồ nên nặng, hộp rỗng nên nhẹ"
- "Nặng và nhẹ phụ thuộc vào khối lượng"

Bước 3: Thực hành so sánh (3 phút)

- Cho trẻ cầm 2 túi: túi đá và túi bông
- "Túi nào nặng hơn? Tại sao?"
- "Đá nặng nên túi đựng đá nặng"
- "Bông nhẹ nên túi đựng bông nhẹ"

Hoạt động 2: Khái niệm to-nhỏ (12 phút)

Bước 1: So sánh kích thước (6 phút)

- Đặt bóng tennis và bóng ping pong cạnh nhau
- "Quả bóng nào to hơn?"
- "Bóng tennis to hơn bóng ping pong"
- "To và nhỏ là về kích thước, không phải khối lượng"

Bước 2: Phân biệt to-nặng (3 phút)

- "Cái to có luôn nặng không?"
- Ví dụ: bóng bay to nhưng nhẹ, viên bi nhỏ nhưng nặng
- "To-nhỏ khác với nặng-nhẹ"
- Cho trẻ cầm và so sánh

Bước 3: Thực hành phân loại (3 phút)

- Đưa ra nhiều đồ vật khác nhau
- Trẻ phân loại: to-nhỏ, nặng-nhẹ
- Kiểm tra và giải thích

Hoạt động 3: Ứng dụng thực tế (10 phút)

Bước 1: Tìm ví dụ trong lớp (5 phút)

- "Ai tìm được vật to nhất trong lớp?"
- "Ai tìm được vật nhỏ nhất?"
- "Vật nào nặng nhất mà các em cầm được?"
- "Vật nào nhẹ nhất?"

Bước 2: So sánh con vật (5 phút)

- Nhìn tranh: con voi và con kiến
- "Con nào to hơn? Con nào nặng hơn?"

- "Con voi vừa to vừa nặng"
- "Con kiến vừa nhỏ vừa nhẹ"
- Tìm thêm ví dụ khác

Hoạt động 4: Trò chơi vận động (4 phút)

Trò chơi "Nặng-nhẹ, to-nhỏ":

- Giáo viên nói: "Các em là con voi!" → Trẻ phình người ra (to)
- "Các em là con kiến!" → Trẻ co người lại (nhỏ)
- "Các em là đá!" → Trẻ đi chậm (nặng)
- "Các em là lông vũ!" → Trẻ đi chuyển nhẹ nhàng (nhẹ)

Hoạt động 5: Cùng cố kiến thức (2 phút)

Câu hỏi kiểm tra:

- "Trong 2 viên kẹo này, viên nào to hơn?"
- "Ai đoán viên nào nặng hơn?"
- "Cầm thử để kiểm tra"

Đánh giá:

- Phân biệt được nặng-nhẹ bằng cách cầm
- Phân biệt được to-nhỏ bằng mắt nhìn
- Hiểu to-nhỏ khác với nặng-nhẹ
- Tìm được ví dụ trong thực tế

BUỔI 18: THỜI GIAN - SÁNG, TRƯA, CHIỀU, TỐI

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Mục tiêu:** Hiểu khái niệm thời gian cơ bản

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Phân biệt 4 khung thời gian trong ngày
- Biết hoạt động phù hợp với từng thời điểm
- Hiểu thứ tự thời gian trong ngày
- Kể được hoạt động của bản thân theo thời gian

Về kỹ năng:

- Quan sát các dấu hiệu của thời gian
- Sắp xếp hoạt động theo thứ tự thời gian
- Sử dụng từ ngữ chỉ thời gian
- Liên hệ với sinh hoạt hàng ngày

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 4 tranh minh họa: sáng (mặt trời mọc), trưa (nắng to), chiều (mặt trời lặn), tối (mặt trăng sao)
- Tranh hoạt động: thức dậy, ăn sáng, đi học, ăn trưa, về nhà, ăn tối, đi ngủ
- Đồng hồ mô phỏng đơn giản

Đồ dùng học sinh:

- Giấy A4 chia 4 ô vuông
- Bút màu để vẽ
- Thẻ tranh hoạt động nhỏ để sắp xếp

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Giới thiệu 4 khung thời gian (12 phút)

Bước 1: Sáng (3 phút)

- Giáo viên giới thiệu tranh mặt trời mọc
- "Đây là buổi sáng. Mặt trời mọc"
- "Buổi sáng các em làm gì?"
- Trẻ: "Thức dậy, ăn sáng, đi học"
- "Sáng là lúc bắt đầu ngày mới"

Bước 2: Trưa (3 phút)

- Tranh mặt trời ở giữa trời, nắng to
- "Đây là buổi trưa. Mặt trời ở cao nhất"
- "Buổi trưa nắng to, nóng nực"
- "Các em làm gì vào buổi trưa?"
- "Ăn cơm trưa, ngủ trưa"

Bước 3: Chiều (3 phút)

- Tranh mặt trời lặn, bầu trời vàng cam
- "Đây là buổi chiều. Mặt trời chuẩn bị lặn"
- "Buổi chiều mát mẻ hơn buổi trưa"
- "Các em thường chơi, học thêm"

Bước 4: Tối (3 phút)

- Tranh mặt trăng sao trên trời tối
- "Đây là buổi tối. Mặt trăng sao xuất hiện"
- "Buổi tối tối om, cần bật đèn"

- "Các em ăn tối, xem TV, đi ngủ"

Hoạt động 2: Thứ tự thời gian trong ngày (10 phút)

Bước 1: Sắp xếp 4 tranh theo thứ tự (5 phút)

- Trộn lẫn 4 tranh thời gian
- "Ai sắp xếp đúng thứ tự trong ngày?"
- Hướng dẫn: sáng → trưa → chiều → tối
- "Sau tối sẽ là sáng của ngày hôm sau"

Bước 2: Chu trình lặp lại (5 phút)

- "Thời gian lặp đi lặp lại"
- "Hôm nay: sáng → trưa → chiều → tối"
- "Ngày mai: sáng → trưa → chiều → tối"
- "Mọi ngày đều như vậy"

Hoạt động 3: Hoạt động theo thời gian (12 phút)

Bước 1: Hoạt động buổi sáng (3 phút)

- "Buổi sáng các em làm gì?"
- Liệt kê: thức dậy 6h, rửa mặt, đánh răng, ăn sáng, đi học
- Vẽ hoặc dán tranh hoạt động sáng

Bước 2: Hoạt động buổi trưa (3 phút)

- "Ở trường, buổi trưa làm gì?"
- Ăn cơm trưa, ngủ trưa, chơi với bạn
- "Ở nhà thì sao?"

Bước 3: Hoạt động buổi chiều (3 phút)

- "Buổi chiều về nhà làm gì?"
- Làm bài tập, chơi, xem TV, tắm
- Thường là thời gian vui chơi

Bước 4: Hoạt động buổi tối (3 phút)

- "Buổi tối gia đình làm gì cùng nhau?"
- Ăn cơm tối, xem TV, kể chuyện, đi ngủ
- "Buổi tối là thời gian gia đình"

Hoạt động 4: Thực hành sắp xếp (4 phút)

Sắp xếp hoạt động một ngày:

- Cho trẻ 8 thẻ tranh hoạt động
- "Hãy sắp xếp theo thứ tự thời gian"
- Kiểm tra: thức dậy → ăn sáng → đi học → ăn trưa → về nhà → chơi → ăn tối → đi ngủ

Hoạt động 5: Trò chơi "Đoán thời gian" (2 phút)

Luật chơi:

- Giáo viên mô tả hoạt động
- Trẻ đoán thời gian tương ứng
- "Ăn cơm với cả gia đình, trời đã tối" → Buổi tối
- "Mặt trời mọc, chim hót" → Buổi sáng

Đánh giá:

- Phân biệt được 4 khung thời gian
- Sắp xếp đúng thứ tự thời gian
- Kể được hoạt động phù hợp với từng thời điểm

- Sử dụng đúng từ ngữ chỉ thời gian

BUỔI 19: TIỀN - CÁC MỆNH GIÁ CƠ BẢN

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Mục tiêu:** Làm quen với tiền và cách sử dụng

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết các mệnh giá tiền cơ bản: 1.000đ, 2.000đ, 5.000đ, 10.000đ
- Hiểu công dụng của tiền trong cuộc sống
- Biết cách đếm tiền đơn giản
- Hiểu giá trị khác nhau của các mệnh giá

Về kỹ năng:

- Phân biệt các tờ tiền theo màu sắc và số
- Đếm số lượng tờ tiền
- Tính tổng số tiền đơn giản
- Mua sắm giả lập với giá quy ước

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Tiền giả các mệnh giá: 1.000đ, 2.000đ, 5.000đ, 10.000đ
- Tranh ảnh hoạt động mua bán
- Đồ chơi làm hàng hóa: kẹo, bánh, đồ chơi

- Thẻ ghi giá tiền

Đồ dùng học sinh:

- Bộ tiền giả cho mỗi em
- Túi nhỏ đựng tiền
- Giấy và bút để ghi
- Đồ vật nhỏ làm hàng hóa

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Giới thiệu về tiền (10 phút)

Bước 1: Tiền là gì? (5 phút)

- "Ai biết tiền dùng để làm gì?"
- Trẻ: "Mua kẹo, mua đồ chơi, mua thức ăn"
- "Tiền giúp chúng ta mua những thứ cần thiết"
- "Không có tiền thì không mua được gì"

Bước 2: Các loại tiền (5 phút)

- Giáo viên giới thiệu tờ tiền giả:
 - 1.000đ: màu xanh, có số 1.000
 - 2.000đ: màu nâu, có số 2.000
 - 5.000đ: màu hồng, có số 5.000
 - 10.000đ: màu vàng, có số 10.000
- "Mỗi tờ có giá trị khác nhau"

Hoạt động 2: Nhận biết các mệnh giá (12 phút)

Bước 1: Phân biệt theo màu sắc (4 phút)

- "Tờ xanh là 1.000đ"

- "Tờ nâu là 2.000đ"
- "Tờ hồng là 5.000đ"
- "Tờ vàng là 10.000đ"
- Trẻ nhắc lại và ghi nhớ

Bước 2: Phân biệt theo giá trị (4 phút)

- "1.000đ ít nhất, 10.000đ nhiều nhất"
- "1 tờ 10.000đ = 10 tờ 1.000đ"
- "1 tờ 5.000đ = 5 tờ 1.000đ"
- Sắp xếp theo thứ tự: ít → nhiều

Bước 3: Thực hành nhận biết (4 phút)

- Trộn lẫn các tờ tiền
- "Ai tìm được tờ 5.000đ?"
- "Ai tìm được tờ có giá trị cao nhất?"
- Khen thưởng em nhanh và đúng

Hoạt động 3: Đếm tiền đơn giản (10 phút)

Bước 1: Đếm cùng mệnh giá (5 phút)

- Đếm 3 tờ 1.000đ: "1.000, 2.000, 3.000"
- Đếm 2 tờ 2.000đ: "2.000, 4.000"
- "3 tờ 1.000đ = 3.000đ"
- "2 tờ 2.000đ = 4.000đ"

Bước 2: Cộng các tờ tiền (5 phút)

- $1 \text{ tờ } 1.000\text{đ} + 1 \text{ tờ } 2.000\text{đ} = 3.000\text{đ}$

- 1 tờ 5.000đ + 1 tờ 1.000đ = 6.000đ
- Dùng phép cộng đã học: $5.000 + 1.000 = 6.000$

Hoạt động 4: Trò chơi mua bán (6 phút)

Chuẩn bị cửa hàng giả lập:

- Kẹo: 1.000đ
- Bánh: 2.000đ
- Đồ chơi nhỏ: 5.000đ
- Sách tranh: 10.000đ

Thực hành mua bán:

- "Em muốn mua kẹo, cần bao nhiêu tiền?"
- "1.000đ ạ!"
- "Em có đủ tiền không?"
- Trẻ lấy đúng tờ tiền để "mua"

Hoạt động 5: Củng cố (2 phút)

Câu hỏi ôn tập:

- "Tờ tiền nào có giá trị cao nhất?"
- "Muốn mua đồ 5.000đ cần tờ tiền nào?"
- "2 tờ 1.000đ bằng mấy tiền?"

Đánh giá:

- Nhận biết được 4 mệnh giá cơ bản
- Phân biệt theo màu sắc và giá trị
- Đếm được tiền đơn giản

- Hiểu cách sử dụng tiền trong mua bán
-

BUỔI 20: SẮP XẾP THEO QUY LUẬT

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Mục tiêu:** Phát triển tư duy logic và nhận biết quy luật

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu khái niệm quy luật, mẫu hình
- Nhận biết quy luật đơn giản: AB, ABC, AABB
- Tiếp tục chuỗi theo quy luật đã cho
- Tạo ra quy luật mới

Về kỹ năng:

- Quan sát và phân tích mẫu hình
- Dự đoán phần tử tiếp theo
- Sắp xếp theo thứ tự logic
- Tư duy sáng tạo và logic

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Viên bi 2 màu (đỏ-xanh) để tạo mẫu
- Thẻ hình học 3 loại (tròn-vuông-tam giác)
- Que tính 2 kích cỡ (dài-ngắn)

- Bảng vẽ mẫu hình

Đồ dùng học sinh:

- Viên kẹo 2-3 màu
- Thẻ hình nhỏ đa dạng
- Giấy để vẽ mẫu
- Sticker nhiều hình dạng

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Giới thiệu khái niệm quy luật (8 phút)

Bước 1: Quy luật trong cuộc sống (4 phút)

- "Ai nhận ra điều gì đặc biệt?"
- Sắp xếp trẻ: cao-thấp-cao-thấp
- "Đây là quy luật: cao-thấp lặp đi lặp lại"
- "Quy luật giúp ta dự đoán điều tiếp theo"

Bước 2: Quy luật đơn giản AB (4 phút)

- Đặt viên bi: đỏ-xanh-đỏ-xanh-đỏ-?
- "Viên bi tiếp theo màu gì?"
- "Màu xanh! Vì quy luật là đỏ-xanh"
- "A là đỏ, B là xanh, lặp lại AB"

Hoạt động 2: Quy luật ABC (12 phút)

Bước 1: Giới thiệu quy luật 3 phần tử (6 phút)

- Dùng 3 hình: tròn-vuông-tam giác
- Sắp xếp: ○□△○□△○?
- "Hình tiếp theo là gì?"

- "Tam giác! Quy luật là tròn-vuông-tam giác"

Bước 2: Thực hành với màu sắc (6 phút)

- Đỏ-xanh-vàng-đỏ-xanh-vàng-?
- Trẻ tiếp tục: "Đỏ!"
- Tạo thêm quy luật khác để luyện tập
- Khen thưởng em trả lời đúng

Hoạt động 3: Quy luật AABB (10 phút)

Bước 1: Quy luật lặp đôi (5 phút)

- Sắp xếp: đỏ-đỏ-xanh-xanh-đỏ-đỏ-?
- "Có gì khác với quy luật trước?"
- "Mỗi màu lặp 2 lần!"
- "Viên tiếp theo màu xanh"

Bước 2: Thực hành với hình dạng (5 phút)

- ○○□□○○□□?
- Trẻ tiếp tục mẫu hình
- "Quy luật là 2 tròn, 2 vuông"

Hoạt động 4: Tạo quy luật mới (8 phút)

Bước 1: Trẻ tự tạo quy luật AB (4 phút)

- "Ai tạo được quy luật với 2 màu kẹo?"
- Ví dụ: xanh-đỏ-xanh-đỏ
- Bạn khác tiếp tục mẫu
- Kiểm tra tính đúng đắn

Bước 2: Thử thách quy luật phức tạp (4 phút)

- ABAC: đỏ-xanh-đỏ-vàng-đỏ-xanh-đỏ-?
- "Quy luật này khó hơn!"
- Hướng dẫn phân tích từng bước
- "A là đỏ, luôn ở vị trí 1 và 3"

Hoạt động 5: Trò chơi "Thám tử quy luật" (2 phút)

Luật chơi:

- Giáo viên tạo quy luật bí mật
- Đưa ra 4-5 phần tử đầu
- Trẻ đoán quy luật và phần tử tiếp theo
- Ai đúng được làm "thám tử"

Đánh giá:

- Nhận biết được quy luật AB và ABC
- Tiếp tục đúng chuỗi theo quy luật
- Tạo được quy luật đơn giản
- Giải thích được cách suy luận

BUỔI 21: SỐ TỪ 11-20

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ đã thành thạo số 0-10
- **Mục tiêu:** Mở rộng phạm vi số học lên 20

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Nhận biết và đọc số từ 11 đến 20
- Viết số từ 11 đến 20 đúng cách
- Hiểu cấu trúc số: 1 chục + đơn vị
- Đếm liên tục từ 0 đến 20

Về kỹ năng:

- So sánh số lượng trong phạm vi 20
- Sắp xếp số theo thứ tự tăng/giảm
- Nhận biết vị trí số trên tia số
- Đếm nhảy cách 2, cách 5

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Bộ thẻ số từ 11-20 cỡ lớn
- 40 que tính để nhóm thành chục
- Băng dính để buộc que tính
- Tia số từ 0-20 dán trên bảng
- Tranh minh họa: 10 ngón tay + thêm ngón

Đồ dùng học sinh:

- 25 hạt đậu mỗi em
- 2 hộp nhỏ (1 chục, đơn vị)
- Giấy ô vuông để viết số
- Thẻ số nhỏ từ 11-20

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập và dẫn dắt (8 phút)

Bước 1: Ôn tập số 0-10 (4 phút)

- "Chúng ta đã học số nào rồi?"
- "Từ 0 đến 10!"
- Đếm cùng nhau: "0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10"
- "Số 10 là số lớn nhất chúng ta biết"

Bước 2: Tạo tình huống cần số lớn hơn (4 phút)

- Đặt 15 que tính trên bàn
- "Hãy đếm xem có bao nhiêu que tính?"
- Trẻ đếm: "11, 12, 13, 14, 15"
- "Ồ! Có số lớn hơn 10! Hôm nay ta học số mới"

Hoạt động 2: Hiểu cấu trúc số 11-20 (12 phút)

Bước 1: Khái niệm "1 chục" (6 phút)

- Lấy 10 que tính, buộc thành 1 bó
- "10 que tính = 1 chục que tính"
- "1 chục = 10 đơn vị"
- Đặt 1 chục + 1 que lẻ: "1 chục + 1 đơn vị = 11"

- "Số 11 gồm: 1 ở hàng chục, 1 ở hàng đơn vị"

Bước 2: Tạo các số từ 11-15 (6 phút)

- **Số 11:** 1 chục + 1 đơn vị
- **Số 12:** 1 chục + 2 đơn vị
- **Số 13:** 1 chục + 3 đơn vị
- **Số 14:** 1 chục + 4 đơn vị
- **Số 15:** 1 chục + 5 đơn vị
- Trẻ thực hành với hạt đậu: nhóm 10 vào hộp "chục", còn lại vào hộp "đơn vị"

Hoạt động 3: Học số 16-20 (10 phút)

Bước 1: Tiếp tục với số 16-19 (5 phút)

- **Số 16:** 1 chục + 6 đơn vị
- **Số 17:** 1 chục + 7 đơn vị
- **Số 18:** 1 chục + 8 đơn vị
- **Số 19:** 1 chục + 9 đơn vị
- "Tất cả đều có 1 chục ở đầu"

Bước 2: Số đặc biệt 20 (5 phút)

- Lấy 20 que tính, buộc thành 2 bó
- "20 = 2 chục + 0 đơn vị"
- "Số 20 gồm: 2 ở hàng chục, 0 ở hàng đơn vị"
- "20 là số tròn chục"

Hoạt động 4: Luyện viết số 11-20 (8 phút)

Bước 1: Hướng dẫn viết số có 2 chữ số (4 phút)

- "Số có 2 chữ số: viết chục trước, đơn vị sau"
- Viết số 15: "Viết 1, viết 5"
- "Chú ý: 2 chữ số cùng kích thước"
- "Không để khoảng cách quá xa"

Bước 2: Thực hành viết (4 phút)

- Mỗi em viết 5 số: 11, 13, 16, 18, 20
- Giáo viên kiểm tra từng em
- Chữa lỗi về tỷ lệ và khoảng cách

Hoạt động 5: Trò chơi "Đếm tiếp" (2 phút)

Luật chơi:

- Giáo viên bắt đầu: "10, 11, 12..."
- Trẻ tiếp tục đếm đến 20
- Đếm ngược từ 20 về 0
- Ai đếm sai phải ngồi xuống

Đánh giá:

- Nhận biết đúng số 11-20
- Viết số có 2 chữ số chính xác
- Hiểu cấu trúc chục-đơn vị
- Đếm liên tục không sai sót

BUỔI 22: PHÉP CỘNG TRỪ CÓ NHỚ ĐƠN GIẢN

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 40 phút
- **Đối tượng:** Trẻ đã biết số 11-20 và phép cộng trừ cơ bản
- **Mục tiêu:** Học phép tính vượt 10

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu khái niệm "nhớ" trong phép cộng
- Thực hiện phép cộng có tổng > 10
- Thực hiện phép trừ có số bị trừ > 10
- Kiểm tra kết quả phép tính

Về kỹ năng:

- Sử dụng que tính hỗ trợ tính toán
- Viết phép tính có nhớ đúng cách
- Giải bài toán thực tế
- Tự kiểm tra kết quả

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- 30 que tính và băng dính
- Bảng phụ để minh họa phép tính
- Viên bi 2 màu để thực hành
- Thẻ phép tính mẫu

Đồ dùng học sinh:

- 25 hạt đậu mỗi em

- 2 hộp để nhóm chục và đơn vị
- Giấy để viết phép tính
- Bút chì và tẩy

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Dẫn dắt vào phép cộng có nhớ (8 phút)

Bước 1: Tình huống thực tế (4 phút)

- "An có 7 viên kẹo. Mẹ cho thêm 5 viên kẹo. An có tất cả bao nhiêu viên kẹo?"
- Cho trẻ thực hành với $7 + 5$ bằng đồ vật
- Đếm: "8, 9, 10, 11, 12"
- "Kết quả là 12 - lớn hơn 10!"

Bước 2: Giải thích "có nhớ" (4 phút)

- "Khi tổng > 10 , ta nói phép cộng có nhớ"
- "Nhớ nghĩa là vượt quá 10"
- " $7 + 5 = 12$ là phép cộng có nhớ"
- " $12 = 1 \text{ chục} + 2 \text{ đơn vị}$ "

Hoạt động 2: Thực hành phép cộng có nhớ (12 phút)

Bước 1: Phép cộng đơn giản có nhớ (6 phút)

- **$6 + 5 = 11$:**
 - Đặt 6 que tính
 - Thêm 5 que tính
 - Đếm: "7, 8, 9, 10, 11"
 - Nhóm 10 que thành 1 chục, còn 1 que lẻ
 - " $6 + 5 = 11 = 1 \text{ chục} + 1 \text{ đơn vị}$ "

- **$8 + 4 = 12$:**

- Tương tự thực hiện
- " $8 + 4 = 12 = 1 \text{ chục} + 2 \text{ đơn vị}$ "

Bước 2: Kỹ thuật tính nhẩm (6 phút)

- **Phương pháp "tròn 10":**

- $7 + 5$: Tách $5 = 3 + 2$
- $7 + 3 = 10$, $10 + 2 = 12$
- "Làm tròn 10 trước, rồi cộng thêm"

- **$8 + 6$: Tách $6 = 2 + 4$**

- $8 + 2 = 10$, $10 + 4 = 14$

Hoạt động 3: Thực hành phép trừ có nhớ (10 phút)

Bước 1: Phép trừ từ số > 10 (5 phút)

- **$12 - 3 = 9$:**

- Đặt 12 que tính (1 chục + 2 đơn vị)
- Lấy bớt 3 que
- Còn lại 9 que
- " $12 - 3 = 9$ "

- **$15 - 6 = 9$:**

- $15 = 1 \text{ chục} + 5 \text{ đơn vị}$
- Lấy bớt 6: lấy 5 đơn vị + 1 từ chục
- Còn 9

Bước 2: Kỹ thuật trừ qua chục (5 phút)

- **$13 - 5$:**

- $13 - 3 = 10$ (trừ đến tròn chục)
- $10 - 2 = 8$ (trừ tiếp phần còn lại)
- " $13 - 5 = 8$ "

Hoạt động 4: Bài toán thực tế (8 phút)

Bài toán cộng có nhớ:

"Lớp có 8 bạn nam và 6 bạn nữ. Lớp có tất cả bao nhiêu bạn?"

- Phân tích: $8 + 6$
- Thực hành: $8 + 6 = 14$
- Trả lời: "Lớp có 14 bạn"

Bài toán trừ có nhớ:

"Cô có 15 cây bút. Cô cho học sinh 7 cây bút. Cô còn lại bao nhiêu cây bút?"

- Phân tích: $15 - 7$
- Thực hành: $15 - 7 = 8$
- Trả lời: "Cô còn 8 cây bút"

Hoạt động 5: Củng cố (2 phút)

Trò chơi "Tính nhanh":

- Đưa ra phép tính, trẻ thi trả lời
- $9 + 4 = ? \rightarrow 13$
- $16 - 8 = ? \rightarrow 8$
- Khen thưởng em nhanh và đúng

Đánh giá:

- Thực hiện đúng phép cộng có tổng > 10
- Thực hiện đúng phép trừ có số bị trừ > 10

- Sử dụng đồ vật hỗ trợ tính toán
- Giải đúng bài toán thực tế

BUỔI 23: TOÁN TƯ DUY CƠ BẢN

Thông tin buổi học:

- Thời gian:** 40 phút
- Đối tượng:** Trẻ đã có nền tảng toán cơ bản
- Mục tiêu:** Phát triển tư duy logic và giải quyết vấn đề

Mục tiêu chi tiết:

Về kiến thức:

- Hiểu và giải các bài toán tư duy đơn giản
- Tìm quy luật trong dãy số, hình
- Giải bài toán bằng phương pháp thử và sai
- Sử dụng logic để suy luận

Về kỹ năng:

- Phân tích vấn đề thành các bước nhỏ
- Đưa ra giả thuyết và kiểm chứng
- Suy luận từ dữ kiện cho trước
- Trình bày cách giải rõ ràng

Chuẩn bị:

Đồ dùng giáo viên:

- Bộ bài toán tư duy có tranh minh họa

- Đồ chơi xếp hình logic
- Thẻ số và hình để tạo quy luật
- Bảng phụ để vẽ minh họa

Đồ dùng học sinh:

- Que tính, viên bi để thực hành
- Giấy và bút để vẽ, tính
- Đồ chơi xếp hình nhỏ
- Thẻ màu để sắp xếp

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Giới thiệu toán tư duy (8 phút)

Bước 1: Toán tư duy là gì? (4 phút)

- "Toán tư duy khác với toán tính"
- "Cần suy nghĩ, phân tích mới tìm ra đáp án"
- "Giống như trò chơi đồ vui"
- "Không có công thức cố định"

Bước 2: Ví dụ đơn giản (4 phút)

"Có 3 con mèo. Mỗi con mèo có 4 chân. Tất cả có bao nhiêu chân?"

- "Đây không phải phép cộng đơn thuần"
- "Phải hiểu: 3 con $\times$ 4 chân = 12 chân"
- "Hoặc: 4 + 4 + 4 = 12"

Hoạt động 2: Bài toán tìm quy luật (12 phút)

Bước 1: Quy luật số (6 phút)

Dãy số 1: 2, 4, 6, 8, ?

- "Số tiếp theo là gì?"
- Phân tích: tăng 2 đơn vị
- Đáp án: 10

Dãy số 2: 1, 3, 5, 7, ?

- Quy luật: số lẻ tăng dần
- Đáp án: 9

Dãy số 3: 10, 8, 6, 4, ?

- Quy luật: giảm 2 đơn vị
- Đáp án: 2

Bước 2: Quy luật hình (6 phút)

Dãy hình: ○□○□○?

- Quy luật: tròn-vuông lặp lại
- Đáp án: □

Dãy phức tạp: ○○□○□○?

- Quy luật: 2 tròn, 1 vuông
- Đáp án: ○

Hoạt động 3: Bài toán logic đơn giản (12 phút)

Bài toán 1: Phân chia đồ vật (6 phút)

"Có 12 viên kẹo chia đều cho 3 bạn. Mỗi bạn được bao nhiêu viên?"

- Không dạy phép chia
- Hướng dẫn: "Cho từng bạn 1 viên cho đến hết"
- Thực hành bằng đồ vật
- Kết quả: mỗi bạn 4 viên

Bài toán 2: So sánh tuổi (6 phút)

"An 6 tuổi, Bình hơn An 2 tuổi. Bình bao nhiêu tuổi?"

- Phân tích: "hơn" = cộng thêm
- Tính: $6 + 2 = 8$
- Đáp án: Bình 8 tuổi

"Cúc kém Bình 3 tuổi. Cúc bao nhiêu tuổi?"

- Phân tích: "kém" = trừ đi
- Tính: $8 - 3 = 5$
- Đáp án: Cúc 5 tuổi

Hoạt động 4: Trò chơi tư duy (6 phút)

Trò chơi "Đoán số bí mật":

- Giáo viên nghĩ 1 số từ 1-20
- Trẻ đoán, giáo viên trả lời "lớn hơn" hoặc "nhỏ hơn"
- Ai đoán đúng bằng ít lần nhất thắng
- Dạy chiến thuật: đoán từ giữa (10), rồi thu hẹp dần

Trò chơi "Cân thăng bằng":

- Cho 2 nhóm đồ vật
- Đoán nhóm nào nặng hơn
- Kiểm tra bằng cân đĩa

Hoạt động 5: Thảo luận và chia sẻ (2 phút)

Câu hỏi thảo luận:

- "Em thích loại bài toán nào nhất?"
- "Bài nào khó nhất? Tại sao?"

- "Em có cách giải khác không?"

Đánh giá:

- Giải đúng bài toán tư duy đơn giản
- Tìm được quy luật cơ bản
- Sử dụng logic để suy luận
- Tham gia tích cực trong thảo luận
- Thể hiện sự kiên trì khi gặp khó khăn

BUỔI 24: ÔN TẬP TỔNG HỢP

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 45 phút (tăng 5 phút do nội dung tổng hợp)
- **Đối tượng:** Trẻ đã học toàn bộ chương trình
- **Mục tiêu:** Củng cố và hệ thống hóa kiến thức

Nội dung ôn tập:

1. **Số học:** Số 0-20, phép cộng trừ, so sánh
2. **Hình học:** 4 hình cơ bản và tính chất
3. **Đo lường:** Dài-ngắn, nặng-nhẹ, to-nhỏ, thời gian
4. **Tư duy:** Quy luật, bài toán logic
5. **Thực hành:** Tiền, bài toán có lời văn

Chuẩn bị:

Đồ dùng tổng hợp:

- Phiếu bài tập ôn tập cho mỗi trẻ

- Tất cả đồ dùng từ các buổi trước
- Bảng thành tích cá nhân
- Phần thưởng động viên

Tiến trình chi tiết:

Hoạt động 1: Ôn tập số học (15 phút)

Bước 1: Số và thứ tự (5 phút)

- Đếm từ 0-20 và ngược lại
- Điền số thiếu: 5, __, 7, __, 9
- So sánh: $15 > 12$, $8 > 10$
- Sắp xếp: 14, 9, 17, 3 theo thứ tự tăng dần

Bước 2: Phép cộng trừ (5 phút)

- Tính nhanh: $6+7$, $9+5$, $8+6$, $4+9$
- Phép trừ: $13-5$, $16-8$, $11-4$, $15-7$
- Kiểm tra: $7+8=15 \rightarrow 15-8=7$ ✓

Bước 3: Bài toán có lời văn (5 phút)

"Lan có 9 bông hoa. Lan tặng bạn 4 bông hoa. Sau đó mẹ cho Lan thêm 6 bông hoa. Lan có tất cả bao nhiêu bông hoa?"

- Bước 1: $9 - 4 = 5$
- Bước 2: $5 + 6 = 11$
- Đáp án: 11 bông hoa

Hoạt động 2: Ôn tập hình học (10 phút)

Bước 1: Nhận biết hình (5 phút)

- Trò chơi "Flash card": Giáo viên giơ hình, trẻ nói tên nhanh

- Đếm góc và cạnh của từng hình
- Phân loại đồ vật theo hình dạng

Bước 2: Vẽ và tô màu (5 phút)

- Mỗi em vẽ 1 ngôi nhà từ các hình cơ bản:
 - Hình vuông làm tường
 - Tam giác làm mái
 - Hình tròn làm mặt trời
 - Hình chữ nhật làm cửa

Hoạt động 3: Ôn tập đo lường và thời gian (8 phút)

Bước 1: So sánh (4 phút)

- Dài-ngắn: So sánh bút chì và thước
- Nặng-nhẹ: Cầm sách và bông
- To-nhỏ: Bóng tennis và bóng ping pong

Bước 2: Thời gian (4 phút)

- Sắp xếp hoạt động trong ngày
- "Buổi nào ăn cơm trưa?" → Buổi trưa
- "Khi nào đi ngủ?" → Buổi tối

Hoạt động 4: Ôn tập tiền và tư duy (10 phút)

Bước 1: Nhận biết tiền (5 phút)

- Phân loại tờ tiền theo mệnh giá
- Tính tổng: 1 tờ 5.000đ + 2 tờ 1.000đ = ?
- Mua sắm: "Mua kẹo 2.000đ, đưa 5.000đ, thối lại bao nhiêu?"

Bước 2: Tư duy logic (5 phút)

- Tìm quy luật: 3, 6, 9, 12, ?
- Bài toán: "Có 8 chân gà. Có mấy con gà?" ($8 \div 2 = 4$)

Hoạt động 5: Đánh giá và khen thưởng (2 phút)

Nhận xét chung:

- Thống kê số em làm tốt từng phần
- Khen ngợi sự cố gắng của cả lớp
- Động viên chuẩn bị cho kiểm tra cuối khóa
- Phát thưởng nhỏ cho mọi em

Đánh giá tổng thể:

Mức độ chuẩn bị cho lớp 1:

- **Sẵn sàng hoàn toàn:** Làm đúng 80% bài tập
- **Cần củng cố một số phần:** Làm đúng 60-79%
- **Cần hỗ trợ thêm:** Làm đúng dưới 60%

BUỔI 25: KIỂM TRA CUỐI KHÓA VÀ TRAO CHỨNG NHẬN

Thông tin buổi học:

- **Thời gian:** 45 phút
- **Đối tượng:** Trẻ hoàn thành chương trình 25 buổi
- **Mục tiêu:** Đánh giá tổng thể và ghi nhận thành tích

Cấu trúc buổi học:

- **20 phút:** Kiểm tra kiến thức
- **15 phút:** Chấm bài và thống kê

- **10 phút:** Trao chứng nhận và lễ kết thúc

Đề kiểm tra cuối khóa:

Phần 1: Số học (40 điểm)

A. Nhận biết và viết số (10 điểm)

1. Viết các số: 7, 13, 20, 9, 16 (2 điểm/số)

B. Phép cộng (15 điểm)

1. $4 + 3 = \underline{\hspace{2cm}}$
2. $6 + 7 = \underline{\hspace{2cm}}$
3. $9 + 5 = \underline{\hspace{2cm}}$
4. $8 + 6 = \underline{\hspace{2cm}}$
5. $7 + 8 = \underline{\hspace{2cm}}$
(3 điểm/câu)

C. Phép trừ (15 điểm)

1. $10 - 4 = \underline{\hspace{2cm}}$
2. $15 - 7 = \underline{\hspace{2cm}}$
3. $13 - 6 = \underline{\hspace{2cm}}$
4. $18 - 9 = \underline{\hspace{2cm}}$
5. $12 - 5 = \underline{\hspace{2cm}}$
(3 điểm/câu)

Phần 2: Bài toán có lời văn (30 điểm)

Bài 1 (15 điểm):

"Hoa có 8 viên bi. Bạn cho thêm 5 viên bi. Hoa có tất cả bao nhiêu viên bi?"

Bài 2 (15 điểm):

"Trong rổ có 14 quả cam. Gia đình ăn 6 quả cam. Còn lại bao nhiêu quả cam?"

Phần 3: Hình học (20 điểm)

A. Nhận biết hình (16 điểm)

Nói tên với hình vẽ: (4 điểm/cặp)

- Hình tròn ○
- Hình vuông □
- Hình tam giác △
- Hình chữ nhật ▭

B. Đếm hình (4 điểm)

Trong tranh có bao nhiêu hình tròn? ____ (tranh có 3 hình tròn)

Phần 4: Đo lường và logic (10 điểm)

A. So sánh (5 điểm)

Khoanh tròn đáp án đúng:

- Cái nào dài hơn: bút chì hay thước kẻ?
- Cái nào nặng hơn: sách hay giấy?

B. Quy luật (5 điểm)

Điền tiếp: 2, 4, 6, 8, ____

Tiêu chí chấm điểm:

Thang điểm: 100 điểm tổng

- **90-100 điểm:** Xuất sắc - Hoàn toàn sẵn sàng lớp 1
- **80-89 điểm:** Tốt - Sẵn sàng với một số điểm cần chú ý
- **70-79 điểm:** Khá - Cần củng cố thêm ít kiến thức
- **60-69 điểm:** Trung bình - Cần ôn tập trong hè
- **Dưới 60 điểm:** Yếu - Cần hỗ trợ đặc biệt

Lễ trao chứng nhận:

Nội dung chứng nhận:

text

CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA HỌC

TOÁN TIỀN TIỂU HỌC

Chứng nhận em: _____

Đã hoàn thành khóa học Toán Tiền Tiểu học

gồm 25 buổi học với kết quả: _____

Em đã nắm vững:

- ✓ Số từ 0-20 và phép cộng trừ
- ✓ Nhận biết hình học cơ bản
- ✓ Bài toán có lời văn đơn giản
- ✓ Kỹ năng tư duy logic

Em đã sẵn sàng cho chương trình lớp 1!

Ngày cấp: _____

Giáo viên

Phần thưởng:

- **Xuất sắc:** Chứng nhận + huy chương vàng + bộ dụng cụ học tập
- **Tốt:** Chứng nhận + huy chương bạc + quyển sách
- **Khá:** Chứng nhận + huy chương đồng + bút màu
- **Tất cả:** Chứng nhận + kẹo + lời khen ngợi

Thống kê và báo cáo:

Báo cáo cho phụ huynh:

- Điểm số chi tiết từng phần

- Nhận xét về ưu điểm và khuyết điểm
- Khuyến nghị cho việc học lớp 1
- Gợi ý hoạt động hè để duy trì kiến thức

Thông kê lớp:

- Tỷ lệ học sinh đạt từng mức
- Những điểm mạnh và yếu chung của lớp
- Hiệu quả của chương trình giảng dạy
- Đề xuất cải tiến cho khóa sau